

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Hằng

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Hằng

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Hằng

Mã SV: 1612401039

Lớp : QT 2002K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại
Quế Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
- ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- ✓ Suu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2019 tại Công ty CP Thương mại Quế Phòng.

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty CP Thương mại Quế Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : *Hòa Thị Thanh Hương*

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : *Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Thương mại Quế Phòng

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 03 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: *Th.S Hòa Thị Thanh Hương*
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh
Họ và tên sinh viên: **Bùi Thị Hằng** - QT2002K; Chuyên ngành: KT - KT
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Thương mại Quế Phòng*

Nội dung hướng dẫn:

Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC; Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập; Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- ✓ Hoàn thành đúng tiến độ các chương theo qui định của GV hướng dẫn;
- ✓ Có trách nhiệm với công việc được giao;

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- ✓ Khóa luận tốt nghiệp có bố cục hợp lý;
- ✓ Đã khái quát hóa lý luận về công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC;
- ✓ Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Thương mại Quế Phòng với số liệu logic;
- ✓ Đã đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán tại Công ty CP Thương mại Quế Phòng trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất được một số biện pháp phù hợp giúp đơn vị hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2020.

Giảng viên hướng dẫn

Th.S Hòa Thị Thanh Hương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	2
<i>1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	2
<i>1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i> ...	2
1.1.2.1. Doanh thu	2
1.1.2.2. Chi phí	4
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh	4
<i>1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	4
1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	5
<i>1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	5
1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ	5
1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	6
1.2.1.3. Chứng từ sử dụng	6
1.2.1.4. Tài khoản sử dụng	6
1.2.1.5. Phương pháp hạch toán	7
<i>1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	8
1.2.2.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho	8
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng	9
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng	9
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán	10
<i>1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh</i>	10
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	10
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	12

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	12
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	12
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	12
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	14
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	14
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác trong doanh nghiệp nhỏ và vừa..	17
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	17
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	17
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	17
1.2.6. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	17
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng	17
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	17
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	20
1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	22
1.3.1. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung.....	22
1.3.2. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - Sổ Cái	23
1.3.3. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	24
1.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức trên máy tính	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG	26
2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	26
2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của công ty.....	26
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh của công ty	26
2.1.3. Chức năng nhiệm vụ của Công ty	26
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	27

2.1.5. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	29
2.1.5.1. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	29
2.1.5.2. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	30
2.1.5.3. Chế độ và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty	31
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	31
2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	31
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty	31
2.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng tại Công ty	31
2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng tại Công ty	31
2.2.1.4. Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	31
2.2.1.5. Ví dụ thực tế tại Công ty	32
2.2.2. Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	37
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty	37
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty	37
2.2.2.3. Sổ sách kế toán sử dụng tại Công ty	37
2.2.2.4. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty	37
2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	45
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty	45
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty	45
2.2.3.3. Sổ sách kế toán sử dụng tại Công ty	45
2.2.3.4. Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty	45
2.2.3.5. Ví dụ thực tế tại Công ty	45
2.2.4. Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	50
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty	50
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty	50

2.2.4.3. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty	50
2.2.4.4. Ví dụ thực tế tại Công ty	51
2.2.5. Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	57
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty	57
2.2.5.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty	57
2.2.5.3. Quy trình hạch toán tại Công ty	57
2.2.5.4. Ví dụ thực tế tại Công ty	57
2.2.6. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	63
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty	63
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty	63
2.2.6.3. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	63
2.2.6.4. Ví dụ thực tế tại Công ty: Xác định kết quả kinh doanh năm 2019	64
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG	72
3.1. Một số đánh giá về công tác kế toán nói chung và kế toán DT, CP, XĐKQKD tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	72
3.1.1. Ưu điểm	72
3.1.2. Hạn chế	73
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán DT, CP và XĐKQKD tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	74
KẾT LUẬN	85

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	7
Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	11
Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	13
Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	15
Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	16
Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán thu nhập khác trong doanh nghiệp nhỏ và vừa ...	18
Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán chi phí khác trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	19
Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán kế toán xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	21
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung.	22
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái	23
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	24
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.	25
Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	27
Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	29
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	30
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	32
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	37
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	45
Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	50
Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán kế toán thu nhập khác tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	57
Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	63

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 1088	33
Biểu 2.2: Phiếu thu số 638	34
Biểu 2.3: Sổ Nhật ký chung năm 2019	35
Biểu 2.4: Sổ Cái TK 511	36
Biểu 2.5: Sổ chi tiết hàng hóa	39
Biểu 2.6: Phiếu xuất kho số 298.....	40
Biểu 2.7: Bảng tổng hợp giá vốn.....	41
Biểu 2.8: Phiếu kế toán số 121	42
Biểu 2.9: Sổ Nhật ký chung năm 2019	43
Biểu 2.10: Sổ Cái TK 632	44
Biểu 2.11: Hóa đơn GTGT số 1003	46
Biểu 2.12: Phiếu chi	47
Biểu 2.13: Sổ Nhật ký chung 2019	48
Biểu 2.14: Sổ Cái TK 642	49
Biểu 2.15: Giấy báo có số 2138	51
Biểu 2.16: Giấy báo nợ số 2093	52
Biểu 2.17: Ủy nhiệm chi số 1	53
Biểu 2.18: Sổ Nhật ký chung năm 2019	54
Biểu 2.19: Sổ Cái TK 515	55
Biểu 2.20: Sổ Cái TK 635	56
Biểu 2.21: Biên bản thanh lý công cụ, dụng cụ, vật liệu số 198.....	58
Biểu 2.22: Hóa đơn GTGT số 1092	59
Biểu 2.23: Phiếu thu	60
Biểu 2.24: Sổ Nhật ký chung năm 2019	61
Biểu 2.25: Sổ Cái TK 711	62
Biểu 2.26: Phiếu kế toán số 122.....	64
Biểu 2.27: Phiếu kế toán số 123.....	65
Biểu 2.28: Phiếu kế toán số 125.....	66
Biểu 2.29: Phiếu kế toán 126	66
Biểu 2.30: Phiếu kế toán 127	67
Biểu 2.31: Sổ Nhật ký chung năm 2019	68
Biểu 2.32: Sổ Cái TK 911	69
Biểu 2.33: Sổ Cái TK 421	70
Biểu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng	76
Biểu 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán	77
Biểu 3.3: Sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh.....	78
Biểu 3.4: Bảng xác định kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng	79

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại và phát triển lâu dài thì các doanh nghiệp cần phải chủ động sản xuất kinh doanh, nâng cao công tác quản lý, nắm bắt một cách nhanh chóng và chuẩn xác các thông tin, đặc biệt là các thông tin, đặc biệt là các thông tin kinh tế. Những thông tin này chỉ có kế toán thu nhập, tổng hợp và cung cấp được.

Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác. Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng, em đã cố gắng tìm hiểu thực tế để nâng cao kiến thức, học hỏi kinh nghiệm thực tế về công tác kế toán. Qua đó em thấy tại công ty, công tác kế toán còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán doanh thu, chi phí làm cho việc theo dõi chính xác kết quả của hoạt động kinh doanh từng mặt hàng còn gặp phải một số khó khăn.

Xuất phát từ thực tế đó em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng”*** làm đề tài khóa luận.

Nội dung đề tài của em ngoài lời mở đầu và kết luận được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình, chu đáo của giáo viên hướng dẫn – *Th.S Hòa Thị Thanh Hương* cùng Ban lãnh đạo, các anh chị phòng Kế toán trong Công ty.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Thị Hằng

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong nền kinh tế thị trường sản xuất ra hàng hóa bán được và bán được các sản phẩm đó trên thị trường là điều kiện kiên quyết cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thông qua bán hàng ta có thể xác định được giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm đó, hàng hóa đó được thực hiện, hàng hóa chuyển hình thái hiện vật sang hình thái giá trị (tiền tệ) hay còn gọi là doanh thu, giúp cho vòng luân chuyển vốn được hoàn thành, tăng hiệu quả sử dụng vốn được hoàn thành. Điều này có ý nghĩa rất to lớn đối với nền kinh tế nói chung và đối với bản thân doanh nghiệp nói riêng. Đối với các doanh nghiệp thương mại thì doanh thu có ý nghĩa rất to lớn, có doanh thu mới có thể đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và bù đắp được chi phí đã bỏ ra, không những thế nó còn phản ánh năng lực kinh doanh và vị thế của của doanh nghiệp trên thị trường. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung chủ yếu của công tác kế toán phản ánh hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ. Với ý nghĩa to lớn đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường áp dụng các biện pháp phù hợp với doanh nghiệp mà vẫn khoa học với chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Doanh thu

- Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam: “Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá

trị hợp lý của các khoản thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

Doanh thu của các doanh nghiệp bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch như bán hàng hóa...bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu còn bao gồm các khoản trợ giá, phụ thu theo quy định của nhà nước đối với một số hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ được nhà nước cho phép và giá trị của các sản phẩm hàng hóa đem biếu, tặng hoặc tiêu dùng trong nội bộ doanh nghiệp.

- Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:

+ Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm; trả góp; lãi đầu tư trái phiếu...

+ Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn mác thương mại...)

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia

+ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán

+ Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng

+ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác

+ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

+ Chênh lệch lãi chuyển nhượng, vốn

- Thu nhập hoạt động khác: là các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên như thu từ việc bán vật tư, hàng hóa, tài sản, công cụ dụng cụ đã phân bổ hết... các khoản phải trả nhưng không cần trả, các khoản từ việc chuyển nhượng thanh lý tài sản, nợ khó đòi đã xóa nay thu hồi được, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho...

- Các khoản giảm trừ doanh thu: các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

+ Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách mua hàng với khối lượng lớn

+ Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho khách hàng do hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu

+ Hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán đã xác định là hoàn thành bán hàng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

1.1.2.2. Chi phí

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Như vậy, có nhiều loại chi phí khác nhau.

- Các loại chi phí:

- + Chi phí giá vốn hàng bán
- + Chi phí quản lý kinh doanh
- + Chi phí hoạt động tài chính
- + Chi phí khác
- + Chi phí thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh: là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu đạt được và tổng chi phí bỏ ra trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được biểu hiện bằng lãi (nếu doanh thu lớn hơn chi phí) và lỗ (nếu doanh thu nhỏ hơn chi phí).

- Cách tính:

Lợi nhuận từ HĐKD = Doanh thu bán hàng – Giá vốn hàng bán – Chi phí BH

Lợi nhuận HĐTC = Doanh thu HĐTC – Chi phí HĐTC

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

Lợi nhuận trước thuế = Lợi nhuận từ HĐKD + Lợi nhuận HĐTC + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - Chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN = Lợi nhuận trước thuế * Thuế suất thuế TNDN

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:

Phản ánh kịp thời doanh thu bán hàng để xác định kết quả bán hàng, đơn đốc, kiểm tra, đảm bảo kịp thời tiền bán hàng tránh bị chiếm dụng vốn bất hợp lý.

Cung cấp thông tin chính xác trung thực, lập quyết toán đầy đủ kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả kinh doanh cũng như tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

- Nhiệm vụ của kế toán chi phí:

Ghi chép, phản ánh, tính toán hạch toán chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng đắn kết quả kinh doanh.

- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Ghi chép, phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh.

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ

- Doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp

Là phương thức giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Doanh thu bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất hàng gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Khi xuất hàng gửi đi bán thì hàng chưa được xác định tiêu thụ, tức là chưa được hạch toán vào doanh thu. Hàng gửi đi bán chỉ được hạch toán khi khách hàng chấp nhận thanh toán.

- Doanh thu bán hàng theo phương thức bán trả chậm, trả góp

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu tiền lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong trường hợp mua bán hàng. Phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

- Doanh thu bán hàng theo phương thức đổi hàng

Theo phương thức này, doanh nghiệp sản phẩm vật tư, hàng hóa để đổi lấy vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường

- Doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý

Theo phương thức này, doanh nghiệp giao hàng cho đại lý để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi doanh nghiệp được các cơ sở đại lý thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu số hàng này.

1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho khách hàng do hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu
- Hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán đã xác định là hoàn thành bán hàng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

1.2.1.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Ủy nhiệm thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng

* TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng hóa: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng...

- Doanh thu khác

* Kết cấu tài khoản:

- Bên nợ:
 - + Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT)
 - + Các khoản giảm trừ doanh thu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Bên có: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

* Các tài khoản cấp 2:

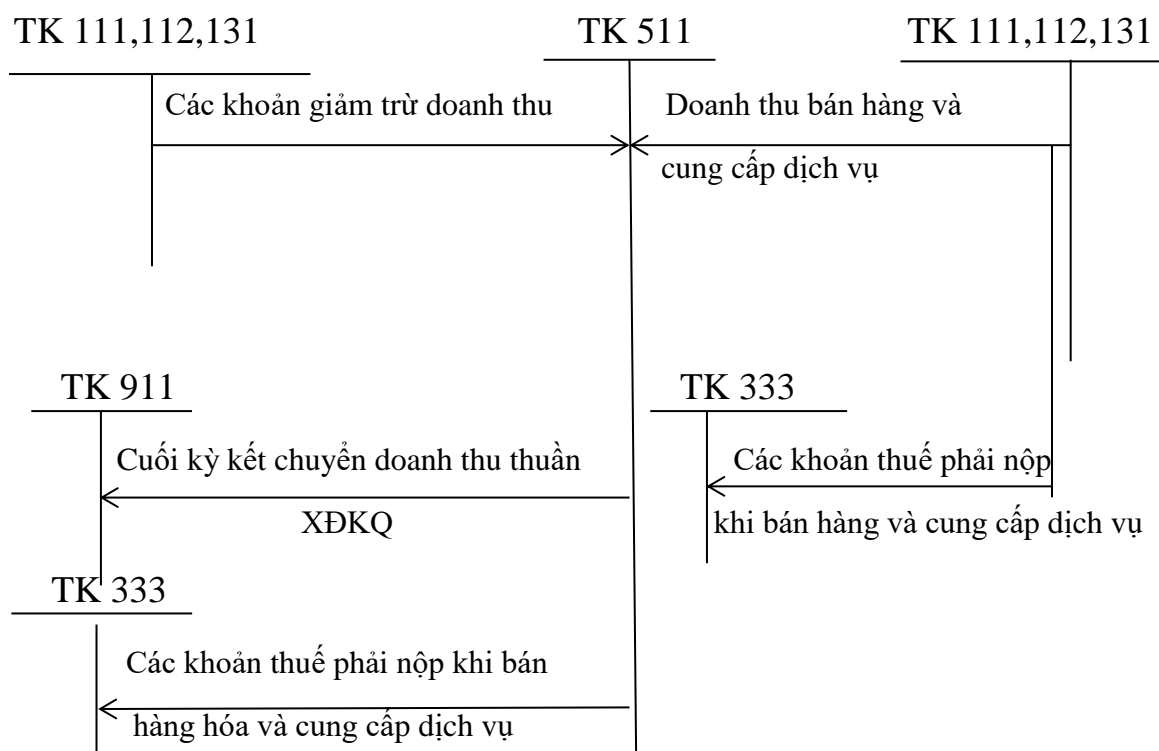
- + TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
- + TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5118 - Doanh thu khác

* Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính, các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được ghi giảm trực tiếp vào bên nợ tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.5. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp nhỏ và vừa được thể hiện qua sơ đồ 1.1.



Sơ đồ 1.1: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.2.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

a) Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, sản phẩm vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng phương pháp này.

b) Phương pháp giá bình quân

Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

b₁) Theo giá bình quân gia quyền cả kỳ

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ

- Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phân hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

b₂) Theo giá bình quân gia quyền liên hoàn

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

c) Phương pháp FIFO (nhập trước xuất trước)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.

Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

- Kết cấu tài khoản 632:

Bên nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ
- + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được tính vào giá vốn.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐHH tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm lớn hơn số dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).

Bên có:

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

+ Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

+ Khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

+ Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

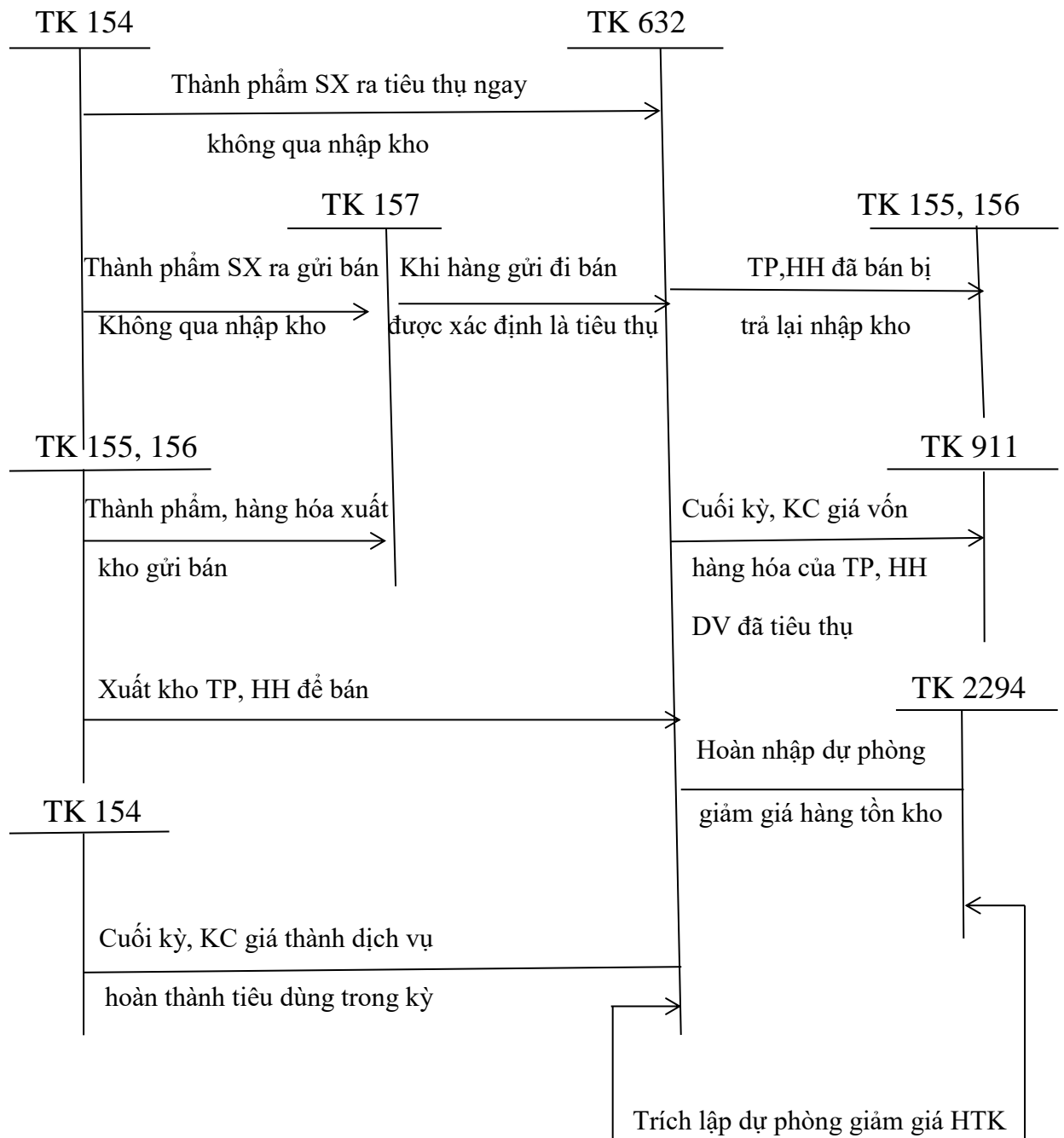
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa được thể hiện qua sơ đồ 1.2

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, bảng thanh toán hàng đại lý
- Giấy nộp tiền, bảng kê nhận hàng và thanh toán hàng ngày
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán BHXH, bảng phân bổ tiền lương – BHXH để phản ánh chi phí về nhân viên quản lý
- Bảng phân bổ vật liệu – công cụ dụng cụ, phiếu xuất kho... để phản ánh chi phí về vật liệu, công cụ xuất dùng cho quản lý.
- Bảng trích khấu hao TSCĐ: để phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý
- Các chứng từ có liên quan khác



Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 - chi phí quản lý kinh doanh
- Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- + Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ
- + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

Bên có:

- + Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.
- + Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
- + Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:

- + TK 6421: Chi phí bán hàng
- + TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.3.

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

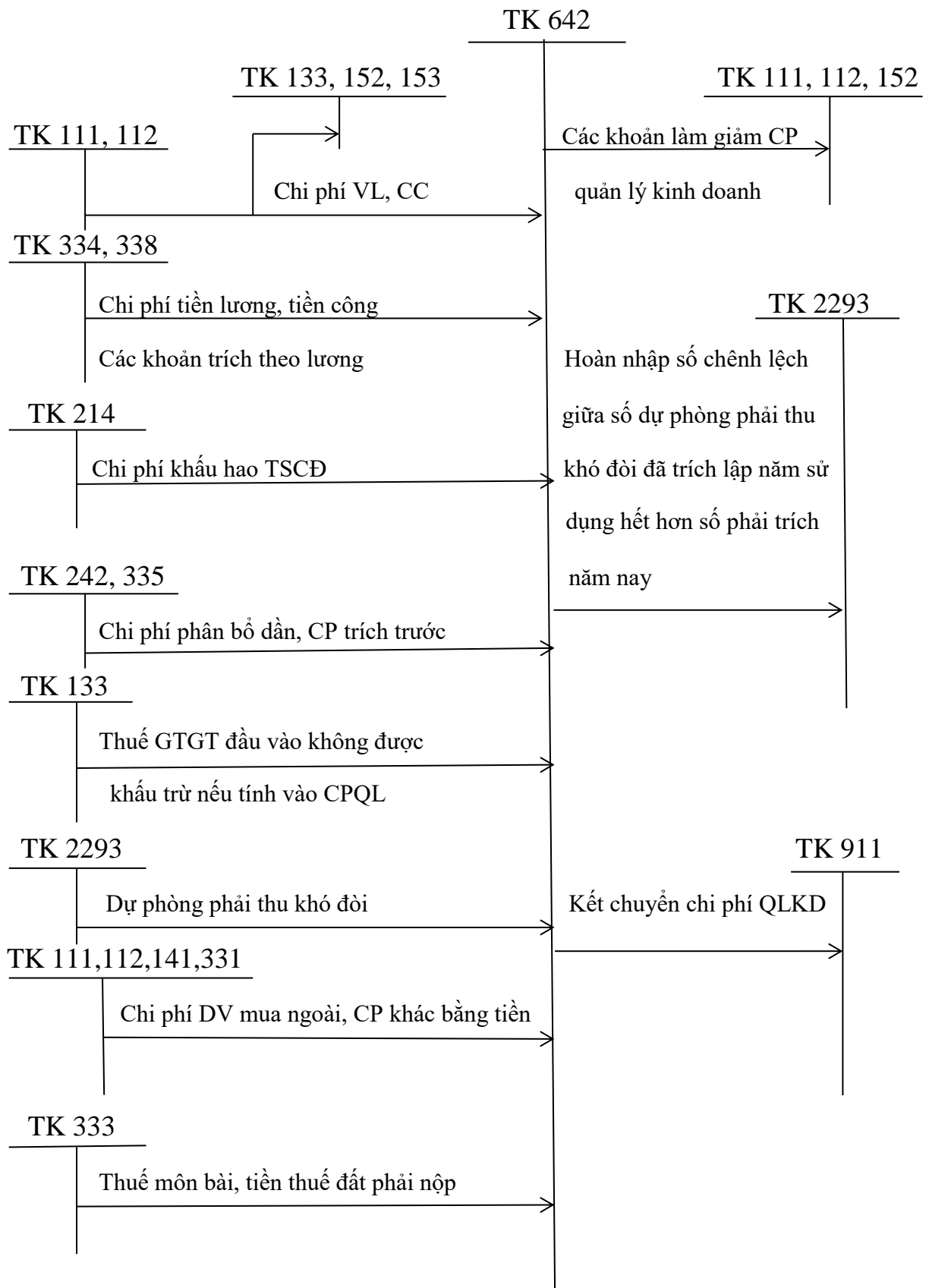
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

a) Chứng từ sử dụng trong hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có

b) Chứng từ sử dụng trong hạch toán chi phí hoạt động tài chính

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu chi
- + Giấy báo nợ



Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

* Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu do hoạt động tài chính mang lại như: lãi tiền gửi ngân hàng, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản :

Bên nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có: Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

* Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay voosnkinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí đầu tư tài chính khác...

- Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- + Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ
- + Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước)

Bên có:

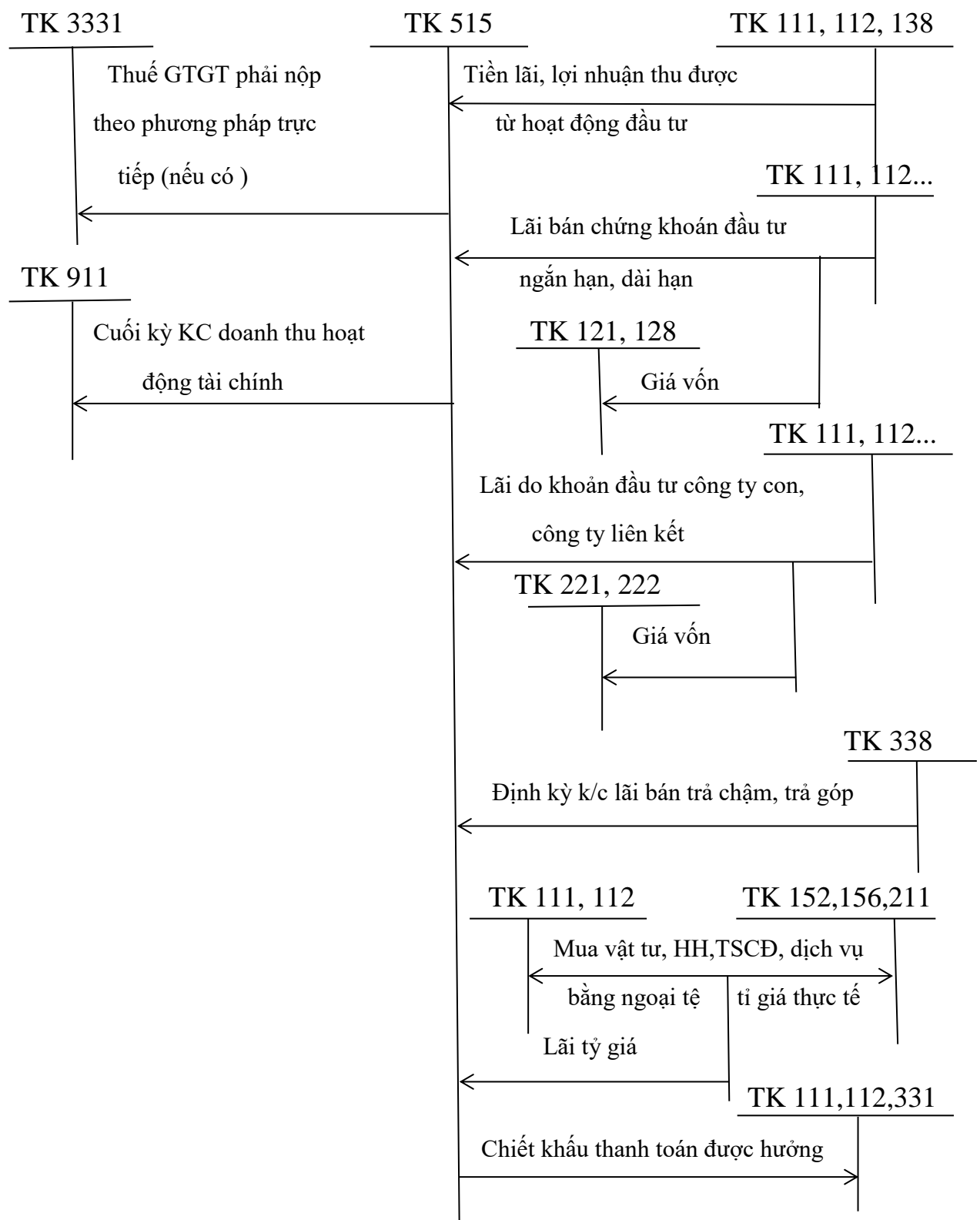
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước nhưng chưa sử dụng hết)
- + Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quarkinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

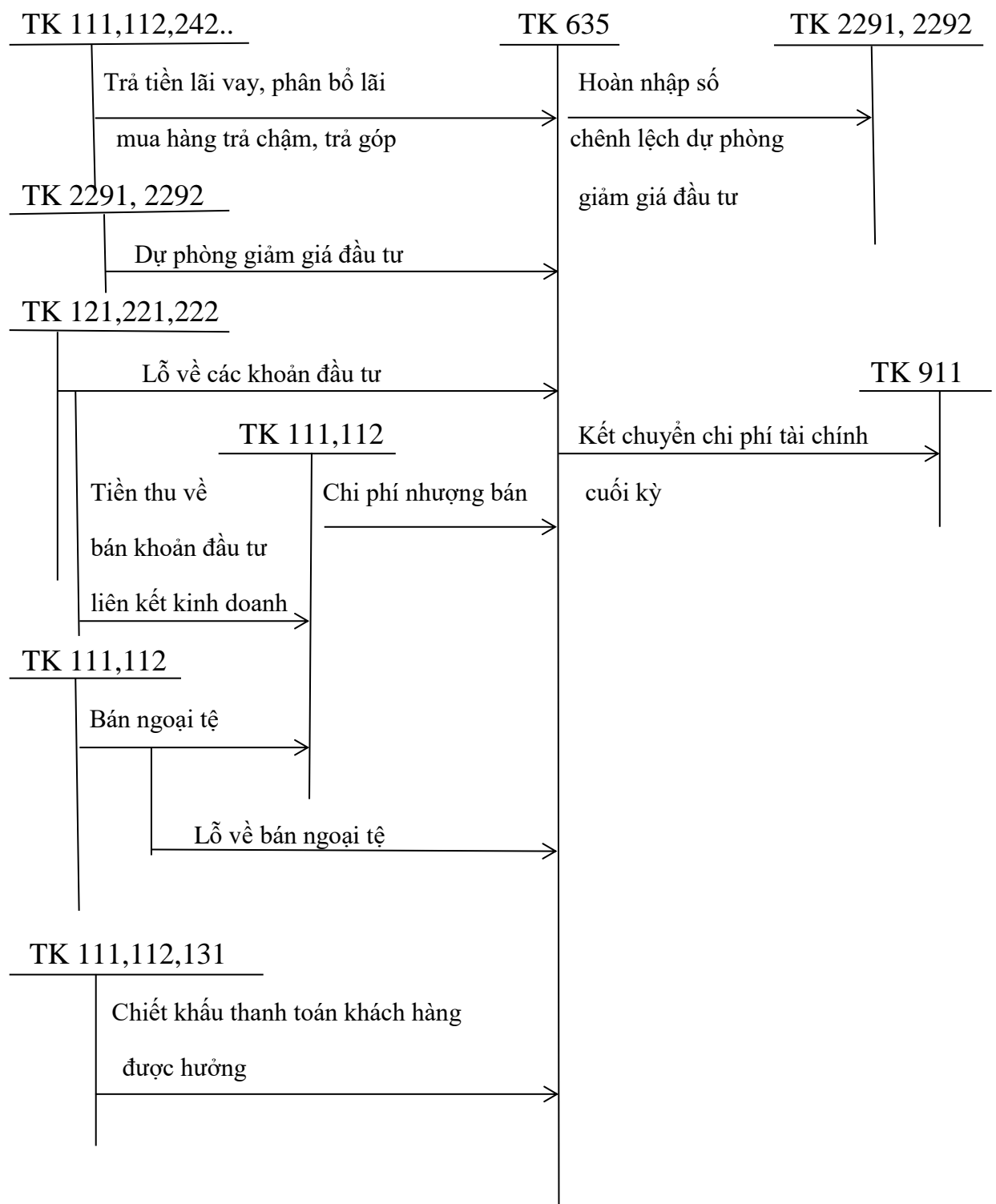
Trình tự hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.4 và sơ đồ 1.5

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT/ Hóa đơn bán hàng
- Biên bản vi phạm hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng
- Quyết định thanh lý/ nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

*** Tài khoản 711 – Thu nhập hoạt động khác**

- Kết cấu tài khoản

Bên nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

*** Tài khoản 811 – Chi phí khác**

- Kết cấu tài khoản

Bên nợ: Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ

Bên có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán kế toán thu nhập khác và chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.6 và sơ đồ 1.7.

1.2.6. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

*** Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

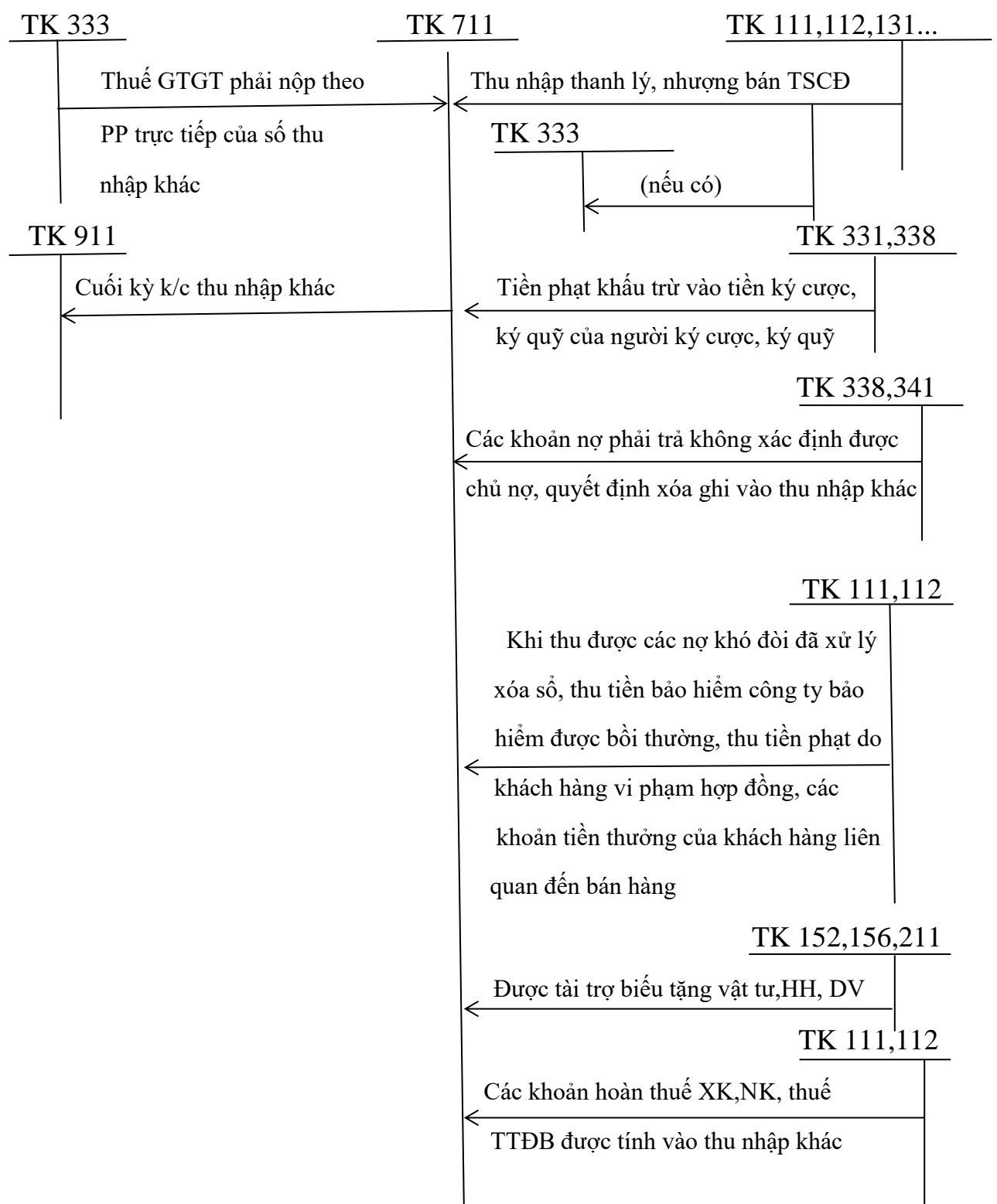
Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác

- Chi phí quản lý kinh doanh

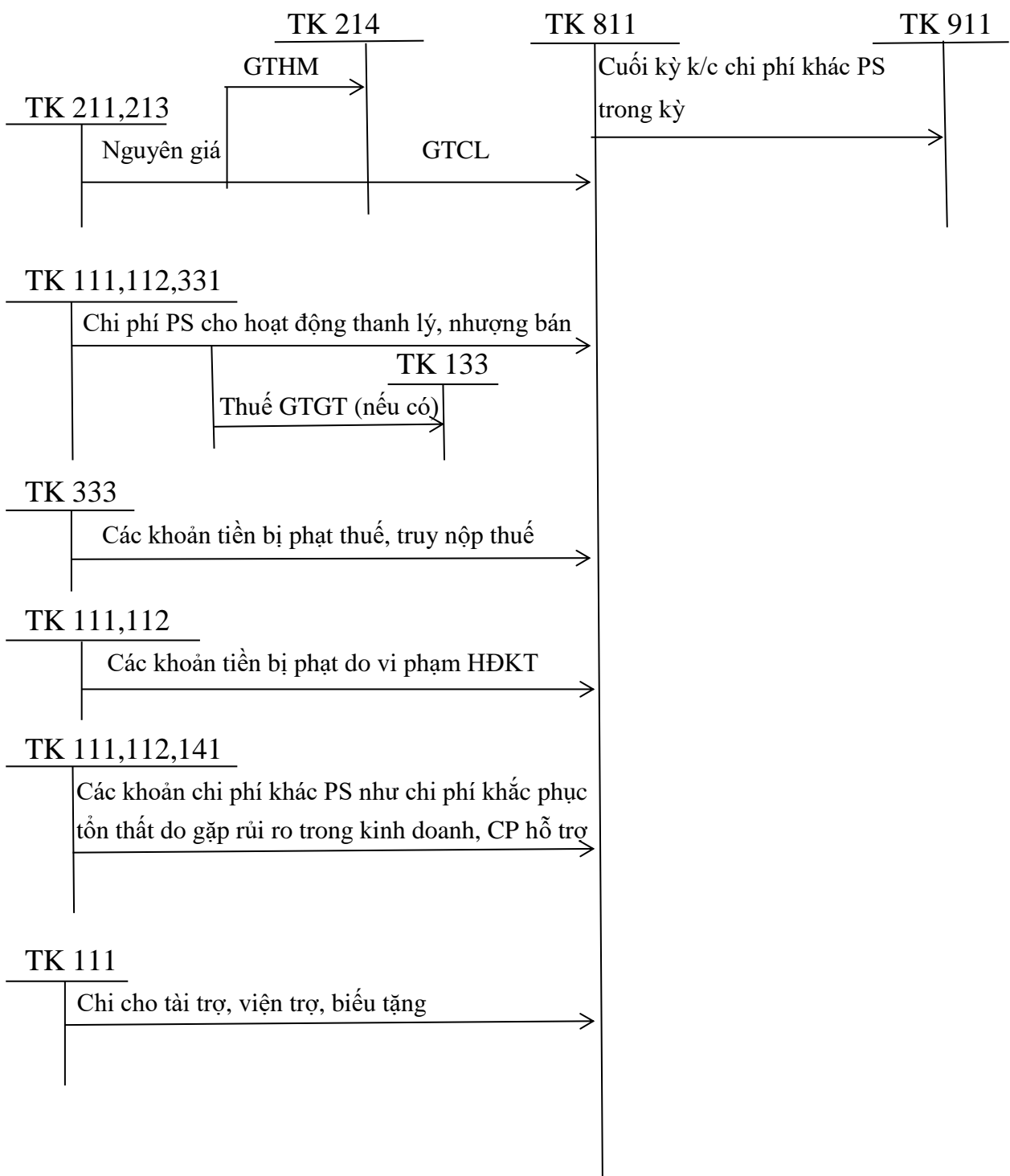
- Kết chuyển lãi (nếu có)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán thu nhập khác trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán chi phí khác trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ (nếu có)

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

* Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Bên nợ:

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Bên có:

+ Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm

+ Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước

+ Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

* Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Bên nợ:

+ Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

+ Trích lập các quỹ của doanh nghiệp

+ Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu

+ Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bên có:

+ Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ

+ Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù

+ Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

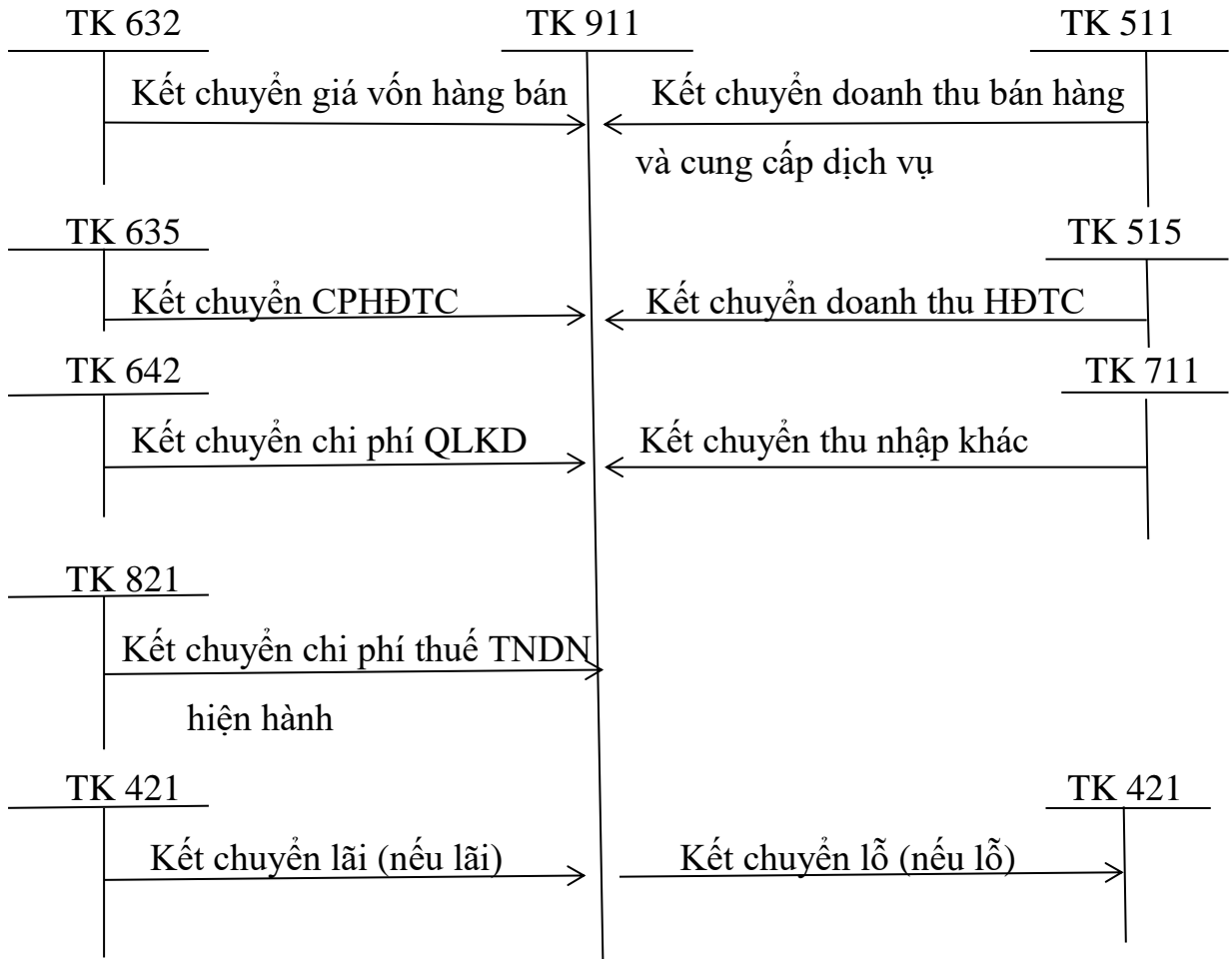
Tài khoản 421 có thể có số dư nợ hoặc số dư có:

+ Số dư bên nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

+ Số dư bên có: Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa được thể hiện qua sơ đồ 1.8.

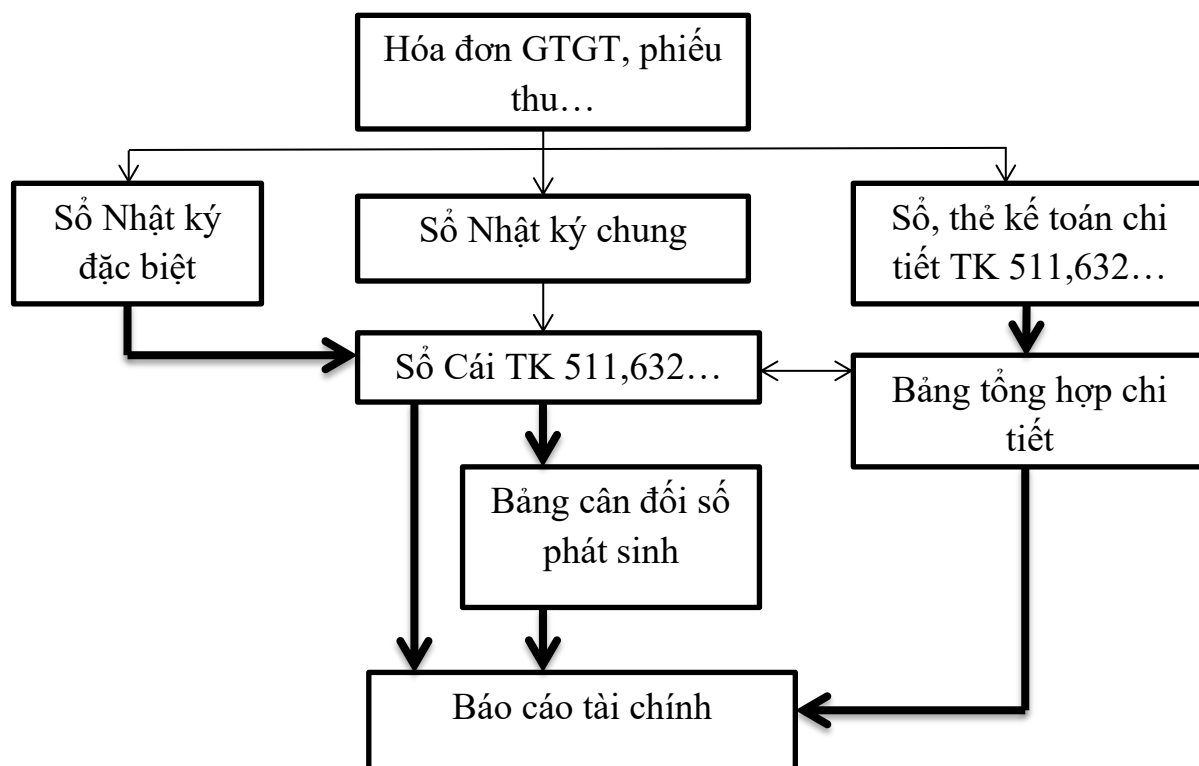


Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán kế toán xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.3.1. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung

* Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.9.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow

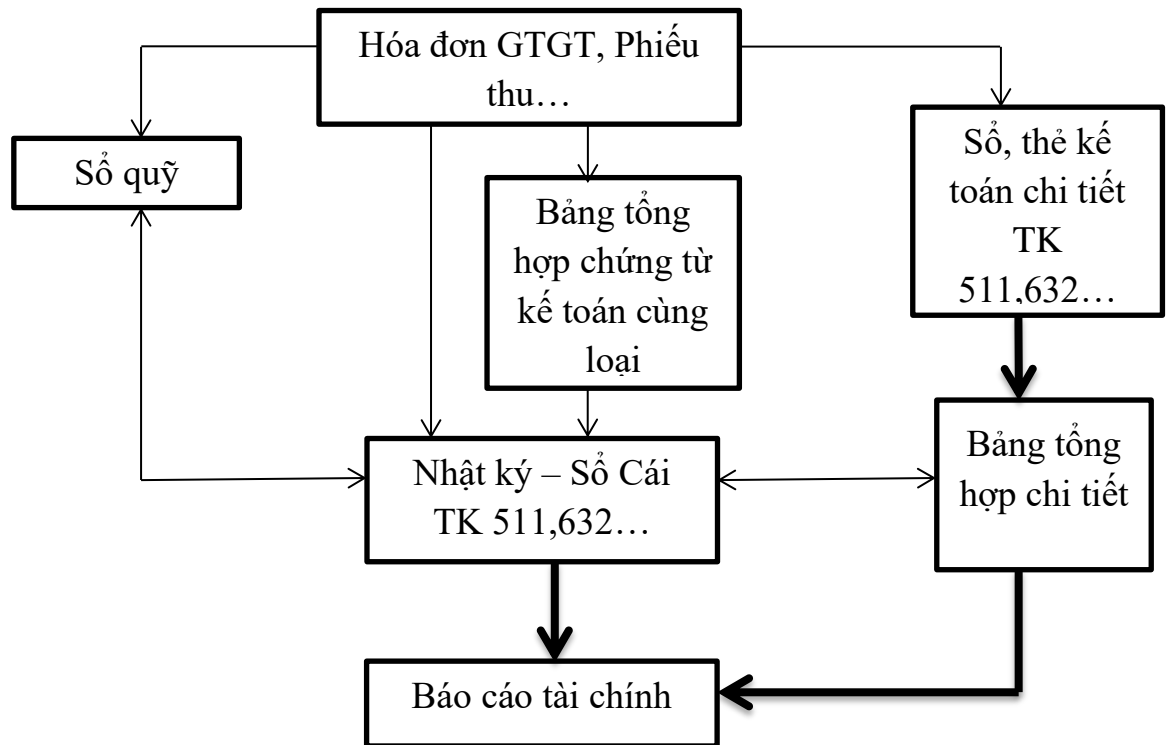
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung.

* Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

1.3.2. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký - Sổ Cái

* Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ cái được thể hiện qua sơ đồ 1.10



Ghi chú:

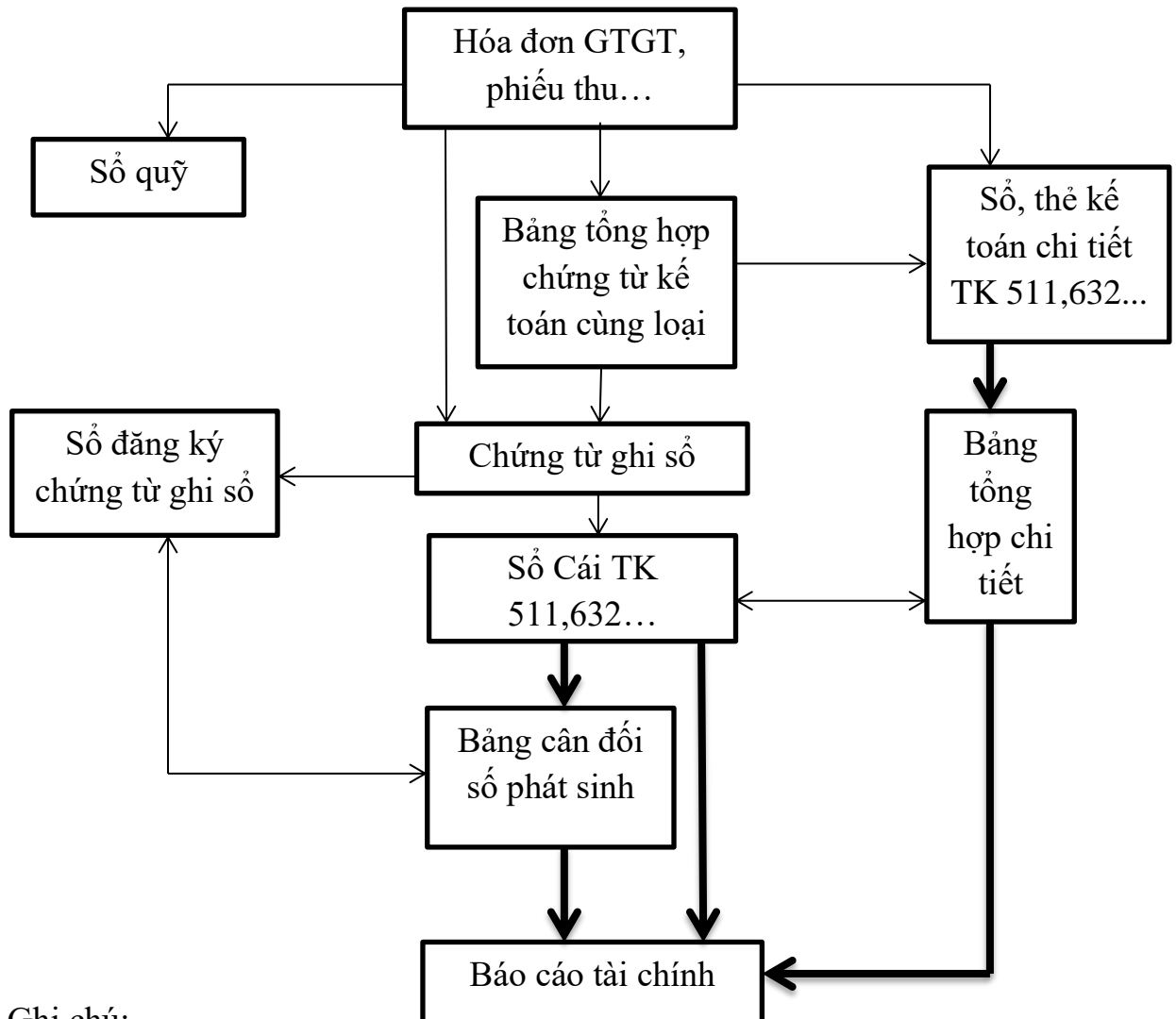
- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng: \longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái

* Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

1.3.3. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ

*Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ 1.11



Ghi chú:

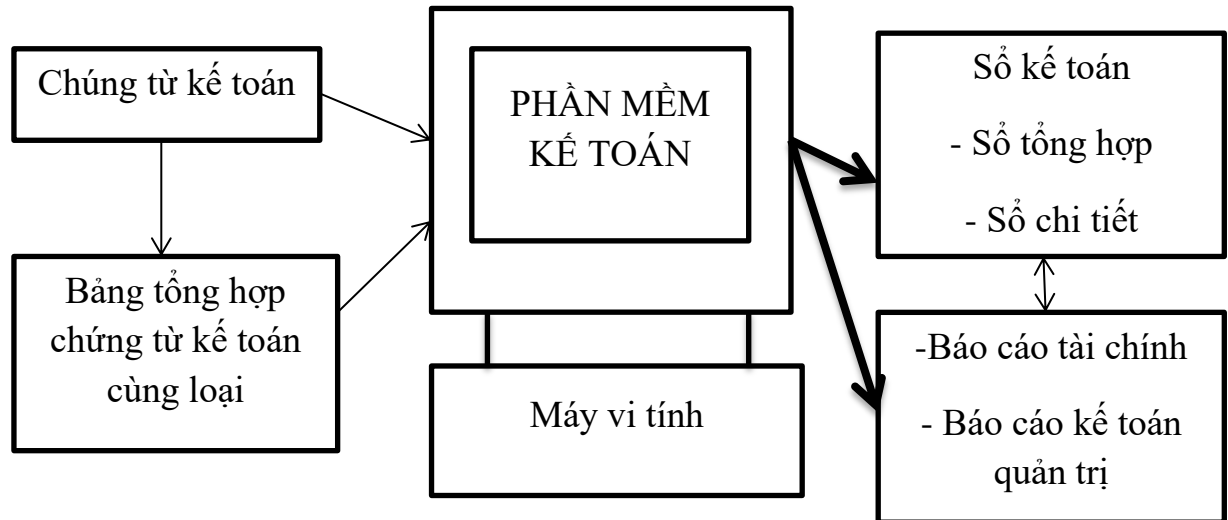
- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng: \longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

* Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”.

1.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức trên máy tính

* Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy tính được thể hiện qua sơ đồ 1.12



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày: \longrightarrow
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: \longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.

* Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy trình.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của công ty

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG
- Trụ sở: Số 52 đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại: 031.357720 - Fax: 031.3593073
- Người đại diện: Ông Nguyễn Quang Quế – Giám đốc công ty
- Mã số thuế: 0200572614
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ (Hai mươi tỷ đồng)
- Số lượng cán bộ công nhân viên: 35
- Ngày thành lập: Ngày 10 tháng 12 năm 2003

Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng được thành lập và hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 0200572614 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/4/2014.

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh của công ty

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép...
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát...
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh...
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

2.1.3. Chức năng nhiệm vụ của Công ty

Với định hướng phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã đặt ra các nhiệm vụ:

- Thực hiện tốt các kế hoạch đặt ra với phương châm năm sau cao hơn năm trước đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước về việc nộp đầy đủ các khoản thuế cho ngân sách nhà nước.
- Hoạt động trong lĩnh vực nhà nước cho phép, thực hiện đúng các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm với hoạt động kinh doanh của mình.

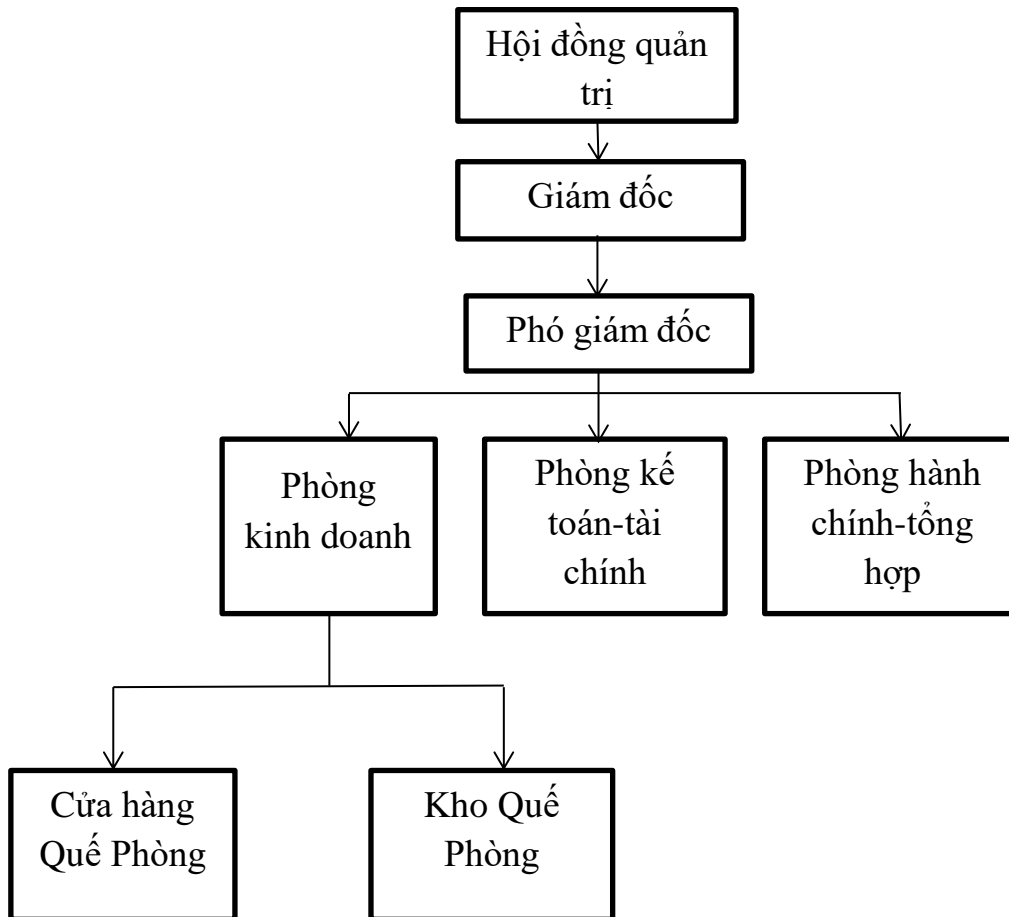
- Thực hiện tốt các cam kết trong hợp đồng kinh tế với các đơn vị khác nhằm đảm bảo đúng chất lượng, tạo mối quan hệ tốt với khách hàng và tăng uy tín của Công ty trên thị trường.

- Thực hiện tốt chế độ lương, thưởng cho nhân viên. Đảm bảo tốt công tác quản lý lao động, liên tục bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho người lao động trong Công ty.

- Đảm bảo quyền và nghĩa vụ chính đáng của cổ đông về việc được chia lợi nhuận đúng thời gian quy định, được biết thông tin về tình hình hoạt động của Công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Để thực hiện tốt chức năng quản lý, Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng có một bộ máy tổ chức quản lý theo hình thức trực tuyến, gọn nhẹ, phù hợp với tính chất kinh doanh của công ty, được thể hiện qua sơ đồ 2.1.



Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của công ty. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được cụ thể hóa tại điều lệ công ty.

- **Giám đốc công ty:** Là người có trách nhiệm quản lý toàn bộ và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh và đời sống của toàn bộ công nhân viên trong công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm pháp lý trước pháp luật và có nhiệm vụ quản lý trực tiếp các phòng ban chức năng.

Giúp việc cho Giám đốc có Phó giám đốc: Là người chịu trách nhiệm về lĩnh vực được phân công, phụ trách.

- **Phòng Kinh doanh:** Chịu trách nhiệm khai thác thị trường và tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu về vận tải, các dịch vụ vận tải.

- **Phòng Hành chính – Tổng hợp:**

+ Thực hiện các chức năng về quản lý lao động, tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước và theo quy chế của công ty, thực hiện các chế độ về bảo hiểm xã hội, trợ cấp ốm đau và các vấn đề liên quan đến quyền lợi của người lao động, tham mưu với Giám đốc trong công tác tổ chức cán bộ, đôn đốc việc chấp hành kỉ luật, nội quy, quy chế của công ty.

+ Cung cấp đầy đủ, kịp thời các vật tư, nguyên vật liệu và công tác quản lý.

+ Chịu trách nhiệm về công tác phục vụ hành chính.

+ Xây dựng phương án bảo vệ và thực hiện việc tuần tra công tác bảo vệ tài sản của công ty, kết hợp với chính quyền và công an khu vực giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng phương án biện pháp phòng chống cháy nổ, chống bão lụt...

- **Phòng Kế toán – Tài chính:** Có nhiệm vụ ghi chép đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh và các chứng từ nhằm lập đầy đủ kịp thời các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, kiểm tra hoàn thiện chứng từ, tổ chức luân chuyển chứng từ theo từng loại cho các bộ phận có liên quan theo trình tự nhất định để ghi sổ và lưu giữ chứng từ. Hạch toán xác định kết quả hoạt động sản xuất của công ty, thường xuyên báo cáo Giám đốc và Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, huy động vốn, tài sản của công ty. Thực hiện việc chi trả lương, công tác phí, đóng BHXH cho cán bộ công nhân viên.

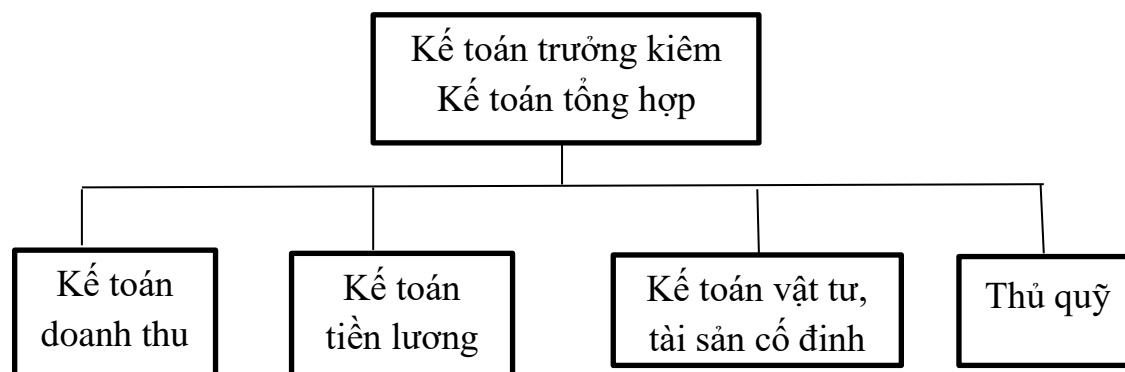
- **Kho và Cửa hàng:** Có nhiệm vụ giao nhận hàng hóa đủ - đúng chủng loại, quy cách, số lượng theo yêu cầu, chịu trách nhiệm giao dịch với khách hàng,

thông báo về khả năng, ngày giờ cấp hàng đảm bảo chính xác về số lượng, an toàn về chất lượng, hợp lý về giá cả nhằm hỗ trợ cho công tác kế toán trong việc thống kê chính xác số liệu.

2.1.5. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.1.5.1. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng đã áp dụng mô hình bộ máy kế toán tập trung, được thể hiện qua sơ đồ 2.2.



Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Trong phòng Kế toán – Tài chính, mỗi cán bộ kế toán phụ trách theo dõi một vài tài khoản có liên quan tới phần hành của mình. Cuối kỳ kế toán tổng hợp chi phí, hoạt động kinh doanh, xác định doanh thu...

Nhiệm vụ của các bộ phận kế toán được khái quát như sau :

- **Kế toán trưởng:** Tham mưu cho Giám đốc công ty toàn bộ các vấn đề có liên quan đến hoạt động của phòng.

+ Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện công tác kế toán của các phân hành đảm bảo đúng theo các quy định của chế độ tài chính kế toán;

+ Chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác tài chính kế toán tại đơn vị;

+ Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của luật;

+ Lập các báo cáo kế toán.

- **Kế toán doanh thu:** Nhiệm vụ của bộ phận này là thực hiện các báo cáo bán hàng, doanh thu hay lập các phiếu doanh thu; làm báo cáo về các khoản giảm trừ doanh thu; kiểm tra số lượng hàng hóa, doanh thu bán hàng và cập nhật cho kế toán trưởng; lưu trữ các hóa đơn bán hàng và so sánh với hóa đơn sử dụng trước đó...

- **Kế toán tiền lương:** Nhiệm vụ của bộ phận này là tính toán tiền lương phải trả các bộ phận và toàn công ty dựa trên cơ sở các thông tin thu nhận, tổng hợp và đã xử lý ở phòng tổ chức: tính trích BHXH, BHYT và KPCĐ; thanh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

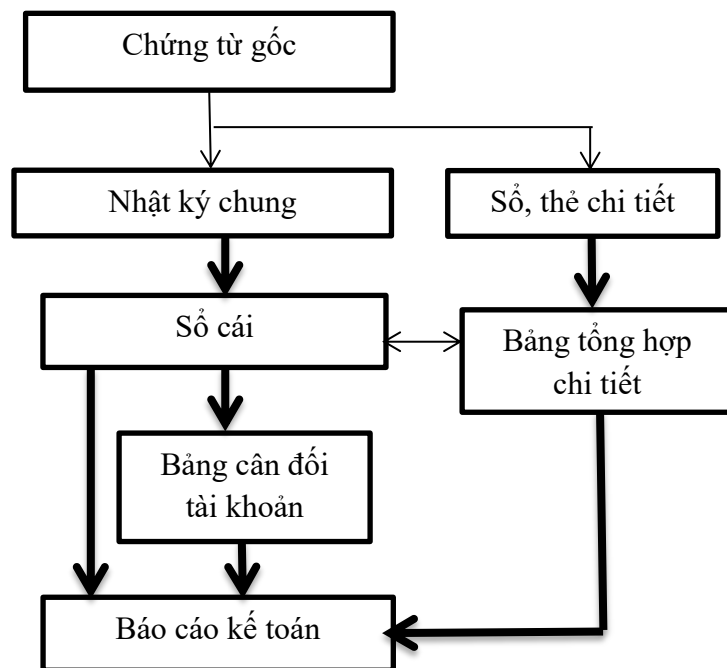
quyết toán với cơ quan quản lý quỹ có liên quan; thực hiện lưu trữ các chứng từ có liên quan đến kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Cuối kì lập bảng tổng hợp chi tiết để đối chiếu với kế toán tổng hợp.

- **Kế toán vật tư và tài sản cố định:** Nhiệm vụ của bộ phận kế toán vật tư TSCĐ là theo dõi, phản ánh chi tiết các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến quá trình nhập, xuất vật liệu, dụng cụ cho hoạt động sản xuất và quản lý; thực hiện việc ghi chép tình hình tăng giảm TSCĐ; vào thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ của toàn công ty cũng như nơi sử dụng. Ghi chép, phản ánh tình hình sửa chữa TSCĐ... thực hiện lưu trữ các chứng từ thuộc phần hành kế toán của mình. Cuối kì lập bảng tổng hợp chi tiết để đối chiếu với kế toán tổng hợp.

- **Thủ quỹ:** Quản lý các khoản tiền mặt của công ty, chịu trách nhiệm quản lý, xuất, nhập quỹ tiền mặt và lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.5.2. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán là hình thức Nhật ký chung, được thể hiện qua sơ đồ 2.3.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.1.5.3. Chế độ và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 dương lịch hàng năm

- Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (VNĐ)

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: khấu hao theo phương pháp đường thẳng

- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Trong năm 2019, tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty

- Hóa đơn GTGT

- Hợp đồng kinh tế

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có...

- Và các chứng từ liên quan khác

2.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng tại Công ty

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Và các tài khoản có liên quan khác: TK 111, TK 112, TK 131...

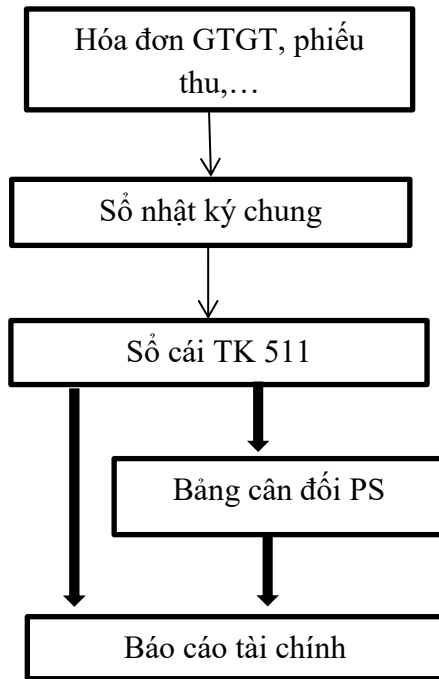
2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng tại Công ty

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái TK 511

2.2.1.4. Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng được thể hiện qua sơ đồ 2.4:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ———→

Ghi cuối tháng: —————→

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.2.1.5. Ví dụ thực tế tại Công ty

Ví dụ 1: Ngày 07/12/2019, Công ty bán 334kg Lưới tấm 5x1500x2000 cho Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên đơn giá 16.500 VNĐ/kg (chưa bao gồm thuế GTGT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 1088 (biểu 2.1) và phiếu thu số 638 (biểu 2.2), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.3). Căn cứ sổ Nhật ký chung, Kế toán ghi sổ cái TK 511 (biểu 2.4) và các sổ cái khác có liên quan.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 1088**

HOÁ ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
(Liên 3 : Nội bộ)			Mẫu số : 01GTKT3/001		
Ngày 07 tháng 12 năm 2019			Ký hiệu : AA/19P		
			Số : 0001088		
Đơn vị bán hàng : Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng					
Địa chỉ : Số 52 đường Hà Nội- Sở Dầu- Hồng Bàng - Hải Phòng					
Điện thoại : 031.357720					
Họ tên người mua hàng: Lê Văn An					
Tên đơn vị: Công Ty TNHH thương mại Hùng Nguyên					
Địa chỉ : Số 673 đường 5/2, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng , Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán : tiền mặt					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Lưới tấm 5x1500x2000	kg	334	16.500	5.511.000
Cộng thành tiền					5.511.000
Thuế suất thuế GT :10% Tiền thuế GTGT					551.100
Tổng cộng tiền thanh toán					6.062.100
Bằng chữ: Sáu triệu không trăm sáu mươi hai ngàn một trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (ký, ghi họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi họ tên)		Ngày 07 tháng 12 năm 2019 Thủ trưởng đơn vị (đóng dấu, ký ghi họ tên)	

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.2: Phiếu thu số 638

*Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sở Dầu,
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng*

Mẫu số: 01-TT
*(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU THU

Ngày 07 tháng 12 năm 2019

Quyển số: 07

Số: 638

Nợ TK 111: 6.062.100

Có TK 511: 5.511.000

Có TK 3331: 551.100

Họ và tên người nộp tiền:.. Lê Văn An.....

Địa chỉ:...Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên.....

Lý do nộp: ...Thanh toán tiền hàng hóa đơn GTGT 1088.....

Số tiền:... 6.062.100.....

(Viết bằng chữ): Sáu triệu không trăm sáu mươi hai ngàn một trăm đồng.....

Kèm theo:...01.....Chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2019

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người nộp tiền

Người lập

Thủ quỹ

phiếu

(Ký, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Sáu triệu không trăm sáu mươi hai ngàn một trăm đồng.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.3: Sổ Nhật ký chung năm 2019**

*Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sở Dầu,
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng*

*Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2019***Đơn vị tính: đồng*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...
6/11	GBC 2012 HĐ 1052	6/11	Bán hàng cho Công ty Vĩnh Đạt	112 511 3331	91.343.722	83.039.747 8.303.975
...
15/11	PC348 HĐ 1003	15/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642 133 111	1.570.000 157.000	1.727.000
...
22/11	PT506 HĐ 1064	22/11	Bán hàng cho Công ty kỹ thuật Bảo An	111 511 3331	3.029.400	2.754.000 275.400
...
30/11	GBC 2056 HĐ 1074	30/11	Bán hàng cho Công ty CPTM Cát Linh	112 511 3331	76.037.794	69.125.431 6.912.543
...
7/12	PT638 HĐ 1088	7/12	Bán hàng cho Công ty Hùng Nguyên	111 511 3331	6.062.100	5.511.000 551.100
...
13/12	GBC 2078 HĐ 1089	13/12	Công ty Hồng Đức thanh toán tiền hàng theo HĐ 1089	112 131	171.430.043	171.430.043
...
			Tổng số phát sinh		1.123.570.578.310	1.123.570.578.310

*Ngày 31 tháng 12 năm 2019***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.4: Sổ Cái TK 511**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P.Sở Dầu,
Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức Nhật ký chung)****Tên tài khoản: 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Năm 2019***Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
6/11	GBC 2012 HĐ 1052	6/11	Bán hàng cho Công ty Vĩnh Đạt	112		83.039.747
...
22/11	PT506 HĐ 1064	22/11	Bán hàng cho Công ty kỹ thuật Bảo An	111		2.754.000
...
30/11	GBC 2056 HĐ 1074	30/11	Bán hàng cho Công ty CPTM Cát Linh	112		69.125.431
...
7/12	PT638 HĐ 1088	7/12	Bán hàng cho Công ty Hùng Nguyên	111		5.511.000
...
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	127.224.105.538	
			Cộng phát sinh		127.224.105.538	127.224.105.538
			Số dư cuối năm			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2019***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)*

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

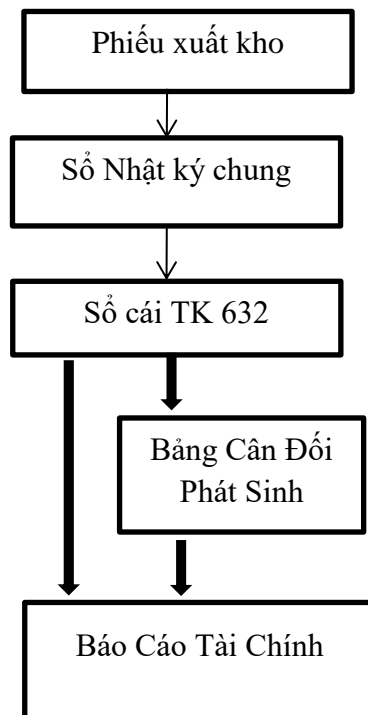
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- Tài khoản liên quan: TK 156

2.2.2.3. Sổ sách kế toán sử dụng tại Công ty

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 632

2.2.2.4. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ———>

Ghi cuối tháng: —————>

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.2.2.5. Ví dụ thực tế tại Công ty

Ví dụ 2: Tiếp theo ví dụ 1

Để xác định giá vốn bằng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Công ty xác định đơn giá xuất kho như sau: Dựa trên số liệu tồn kho ĐK và Nhập kho trong kỳ trên Sổ chi tiết HH (Biểu 2.5), kế toán tính toán đơn giá xuất kho hàng hóa trong tháng, trên cơ sở đó tính ra trị giá hàng xuất kho trong tháng của HH đó. Cụ thể như sau:

- Lưới tấm 5x1500x2000 tồn đầu kỳ tháng 12 là: 1000kg, đơn giá 13.500 VNĐ/kg

- Ngày 02 tháng 12, Công ty nhập kho số lượng: 2500kg Lưới tấm 5x1500x2000 với đơn giá 13.200 VNĐ/kg, trị giá 33.000.000 VNĐ theo phiếu nhập 287 của Công ty.

- Ngày 07 tháng 12, Công ty xuất kho bán cho Công ty Hùng Nguyên 334kg Lưới tấm 5x1500x2000 theo hóa đơn số 1088

- Ngày 09 tháng 12, Công ty nhập kho số lượng 1500kg Lưới tấm 5x1500x2000 với đơn giá 13.200 VNĐ/kg, trị giá 19.800.000 VNĐ theo phiếu nhập số 292 của Công ty.

- Ngày 13 tháng 12, Công ty xuất bán cho Công ty Ngọc Hiếu 1.200kg Lưới tấm 5x1500x2000 theo phiếu xuất số 322.

- Ngày 23 tháng 12, Công ty xuất bán cho Công ty Long Thành 570kg Lưới tấm 5x1500x2000 theo phiếu xuất số 397

- Vậy đến cuối tháng 12 đơn giá Lưới tấm 5x1500x2000 xuất kho bình quân được tính như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{100 \times 13.500 + 33.000.000 + 19.800.000}{1000 + 2500 + 1500} = 13.260 \text{ VNĐ/kg}$$

- Vậy, trị giá xuất kho trong tháng 12/2019 của Lưới tấm 5x1500x2000 như sau = 4.104 x 13.260 = 54.419.040

Ngày 07/12/2019, khi Công ty bán Công ty Hùng Nguyên 334kg Lưới tấm 5x1500x2000 theo hóa đơn số 1088, kế toán lập phiếu xuất kho số 298 (biểu 2.6). Cuối kỳ sau khi xác định đơn giá xuất kho Kế toán lập Bảng tổng hợp giá vốn (biểu 2.7). Căn cứ số liệu trên bảng tổng hợp giá vốn kế toán lập phiếu kế toán 121 (biểu 2.8). Cuối kỳ, căn cứ vào phiếu kế toán 121, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung (biểu 2.9). Căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ Cái TK 632 (biểu 2.10).

Biểu 2.5: Sổ chi tiết hàng hóa

*Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng*

*Mẫu số: S06-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA
Tên hàng hóa: Lưới tấm 5x1500x2000
Tài khoản: 156
Tháng 12 năm 2019

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Tồn đầu kỳ		13.500					1000	13.500.000
PNK287 HĐ 2132	02/12	Mua hàng nhập kho của Công ty Việt Á	331	13.200	2500	33.000.000			3500	46.500.000
PXK298	07/12	Xuất kho bán hàng cho Công ty Hùng Nguyên	632				334		3166	
...
PNK292 HĐ 2327	09/12	Mua hàng nhập kho của Công ty Việt Á	331	13.200	1500	19.800.000			4666	66.300.000
PXK322	13/12	Xuất kho bán hàng cho Công ty Ngọc Hiếu	632				1200		3466	
...
PXK 397	23/12	Xuất kho bán hàng cho Công ty Long Thành	632				570		1896	
...
		Cộng PS trong kỳ		13.260	4.000	52.800.000	4.104	54.419.040		
		Tồn cuối kỳ							896	11.880.960

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.6: Phiếu xuất kho số 298

*Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P.Sở Dầu,
Q.Hồng Bàng, Hải Phòng*

*Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU XUẤT KHO

Số: P XK 298

Ngày 07 tháng 12 năm 2019

Nợ 632

Có 156

Họ và tên người nhận: Phạm Văn Kiên – Phòng kinh doanh

Lý do xuất; Xuất bán cho Công ty TNHH Thương mại Hùng Nguyên

Xuất tại kho: Kho Quế Phòng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Lưới tấm 5x1500x2000		kg	334	334		
	Cộng	x	x	334	334		

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

Kèm theo 01 Chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2019

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

Biểu 2.7: Bảng tổng hợp giá vốn

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P.Sở Dầu, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN

Tháng 12 năm 2019

STT	Tên vật tư	ĐVT	Xuất trong kỳ		
			Số lượng	Đơn giá xuất	Thành tiền
1	Lưới tấm 5x1500x2000	kg	4.104	13.260	54.419.040
2	Thép I194	kg	31.965	29.566	945.077.190
3	Thép tròn	kg	21.500	26.432	568.288.000
...
	Tổng cộng				9.142.340.457

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

Biểu 2.8: Phiếu kế toán số 121

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
QUẾ PHÒNG**

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 121

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Giá vốn hàng bán	632	156	9.142.340.457
	Cộng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.9: Sổ Nhật ký chung năm 2019**

*Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sờ Dầu,
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng*

*Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2019***Đơn vị tính: đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...
6/11	GBC 2012 HĐ 1052	6/11	Bán hàng cho Công ty Vĩnh Đạt	112 511 3331	91.343.722	83.039.747 8.303.975
...
15/11	PC348 HĐ 1003	15/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642 133 111	1.570.000 157.000	1.727.000
...
22/11	PT506 HĐ 1064	22/11	Bán hàng cho Công ty kỹ thuật Bảo An	111 511 3331	3.029.400	2.754.000 275.400
...
30/11	GBC 2056 HĐ 1074	30/11	Bán hàng cho Công ty CPTM Cát Linh	112 511 3331	76.037.794	69.125.431 6.912.543
...
7/12	PT638 HĐ 1088	7/12	Bán hàng cho Công ty Hùng Nguyên	111 511 3331	6.062.100	5.511.000 551.100
31/12	PKT 121	31/12	Xuất kho bán hàng cho Công ty Hùng Nguyên	632 156	9.142.340.457	9.142.340.457
...
			Tổng số phát sinh		1.123.570.578.310	1.123.570.578.310

*Ngày 31 tháng 12 năm 2019***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.10: Sổ Cái TK 632**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quý Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sở Dầu,
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức Nhật ký chung)****Tên tài khoản: 632- Giá vốn hàng bán****Năm 2019***Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
...
30/11	PKT 116	30/11	Giá vốn hàng bán tháng 11/2019	156	7.083.039.747	
31/12	PKT 121	31/12	Giá vốn hàng bán tháng 12/2019	156	9.142.340.457	
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển GVHB	911		116.682.070.223
			Cộng phát sinh		116.682.070.223	116.682.070.223
			<u>Số dư cuối năm</u>			

*Ngày.31...tháng.12..năm2019***Người ghi sổ***(Ký)***Kế toán trưởng***(Ký)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quý Phòng)*

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo nợ Ngân hàng
- Các chứng từ có liên quan khác

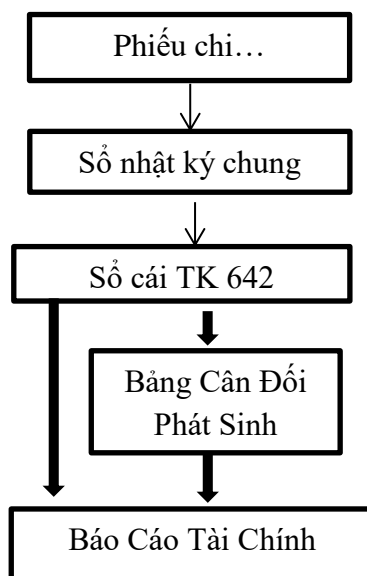
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112...

2.2.3.3. Sổ sách kế toán sử dụng tại Công ty

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 642

2.2.3.4. Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty



Ghi chú

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.2.3.5. Ví dụ thực tế tại Công ty

Ví dụ 3: Ngày 15/11, Công ty thanh toán tiền mua văn phòng phẩm của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phúc Long, số tiền 1.575.000 VNĐ.

Căn cứ vào hóa đơn số 1003 (biểu 2.11), phiếu chi số 348 (biểu 2.12), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.13). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 642 (biểu 2.14)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.11: Hóa đơn GTGT số 1003**

HOÁ ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
(Liên 3 : Nội bộ)				Mẫu số : 01GTKT3/001	
Ngày 15 tháng 11 năm 2019				Ký hiệu : AA/19P	
Số : 0001003					
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phúc Long					
Địa chỉ : Số 438 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Mã số thuế: 0106926418					
Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Bằng					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng					
Địa chỉ : Số 52 đường Hà Nội- Sở Dầu- Hồng Bàng - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán : tiền mặt					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Giấy in khổ A4	Thùng	15	85.000	1.275.000
2	Bút bi TL	Hộp	3	55.000	165.000
3	Bút xóa TL	Hộp	1	130.000	130.000
Cộng thành tiền					1.570.000
Thuế suất thuế GTGT :10% Tiền thuế GTGT					157.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.727.000
Bằng chữ: Một triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng (ký, ghi họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi họ tên)		Ngày 15 tháng 11 năm 2019 Thủ trưởng đơn vị (đóng dấu, ký ghi họ tên)	

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

Biểu 2.12: Phiếu chi

*Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P.Sở Dầu,
Q.Hồng Bàng, Hải Phòng*

*Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Số 348

Ngày 15 tháng 11 năm 2019

Nợ TK 642: 1.570.000

Nợ TK 133: 157.000

Có TK 111: 1.727.000

Họ và tên người nhận: ...Phạm Thị Bằng.....

Địa chỉ : Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....

Lý do chi: ...Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm.....

Số tiền: ...1.727.000.....

Kèm theo: ...01... Chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 11 năm 2019

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn đồng
chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (Vàng,bạc,đá quý):.....

+Số tiền quy đổi;.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.13: Sổ Nhật ký chung 2019**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sờ Dầu,
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2019***Đơn vị tính: đồng*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...
6/11	GBC 2012 HĐ 1052	6/11	Bán hàng cho Công ty Vĩnh Đạt	112 511 3331	91.343.722	83.039.747 8.303.975
...
15/11	PC348 HĐ 1003	15/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642 133 111	1.570.000 157.000	1.727.000
...
22/11	PT506 HĐ 1064	22/11	Bán hàng cho Công ty kỹ thuật Bảo An	111 511 3331	3.029.400	2.754.000 275.400
...
30/11	GBC 2056 HĐ 1074	30/11	Bán hàng cho Công ty CPTM Cát Linh	112 511 3331	76.037.794	69.125.431 6.912.543
...
7/12	PT638 HĐ 1088	7/12	Bán hàng cho Công ty Hùng Nguyên	111 511 3331	6.062.100	5.511.000 551.100
...
13/12	GBC 2078 HĐ 1089	13/12	Công ty Hồng Đức thanh toán tiền hàng theo HĐ 1089	112 131	171.430.043	171.430.043
...
Tổng số phát sinh					1.123.570.578.310	1.123.570.578.310

*Ngày 31 tháng 12 năm 2019***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.14: Sổ Cái TK 642**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P.Sở Dầu,
Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức Nhật ký chung)****Tên tài khoản: 642- Chi phí quản lý kinh doanh****Năm 2019***Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
...
15/11	PC 348 HĐ 1003	15/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.570.000	
...
20/11	PC 397 HĐ 1012	20/11	Thanh toán tiền điện tháng 11	111	3.725.435	
...
05/12	PC 438 HĐ 1021	05/12	Thanh toán tiền tiếp khách	111	5.721.000	
...
31/12	PKT123	31/12	Kết chuyển CPQLKD	911		8.833.960.743
			Cộng phát sinh		8.833.960.743	8.833.960.743
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)*

2.2.4. Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

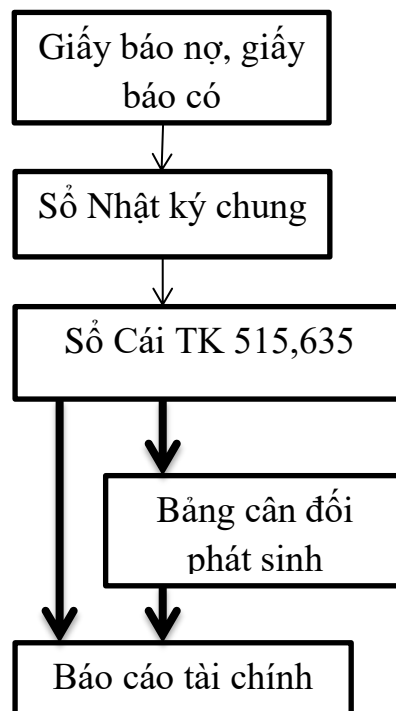
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo có, giấy báo nợ ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

2.2.4.3. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: →

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.2.4.4. Ví dụ thực tế tại Công ty


Ví dụ 5: Ngày 20/12/2019, Công ty nhận được giấy báo Có của ngân hàng về lãi tiền gửi tháng 12 năm 2019 được hưởng là 960.000 VNĐ

Căn cứ vào Giấy báo có số 2138 (biểu 2.15), Kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.18). Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái TK 515 (biểu 2.19).

Ví dụ 6: Ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng trả tiền lãi vay ngân hàng số tiền 23.160.000 VNĐ.

Căn cứ vào Giấy báo nợ số 2093 (biểu 2.16), Ủy nhiệm chi (biểu 2.17), kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.18). Căn cứ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái TK 635 (biểu 2.20).

Biểu 2.15: Giấy báo có số 2138

GIẤY BÁO CÓ		 In ngày: 20/12/2019 Giờ in: 9h45' Số : 2138	
Số tài khoản:			
Tên tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách hàng đã được ghi có với nội dung sau:			
Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
20/12/2019 09:24:26	960.000	VNĐ	Ngân hàng phát lệnh: CN NGO QUYEN – NH TMCP CONG THUONG VN Ngân hàng giữ tài khoản: CN NGO QUYEN – NH TMCP CONG THUONG VN Số tài khoản: 112000009627 Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng Nội dung giao dịch: Lãi tiền gửi tháng 12 năm 2019

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

GIẤY BÁO NỢ		 In ngày: 31/12/2019 Giờ in: 9h45' Số : 2093	
Số tài khoản: Tên tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách hàng đã được ghi nợ với nội dung sau:			
Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
31/12/2019 09:14:26	23.160.000	VND	Ngân hàng phát lệnh: CN NGO QUYEN – NH TMCP CONG THUONG VN Ngân hàng giữ tài khoản: CN NGO QUYEN – NH TMCP CONG THUONG VN Số tài khoản: 112000009627 Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng Nội dung giao dịch: Trả lãi tiền vay tháng 12 năm 2019

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

Biểu 2.17: Ủy nhiệm chi số 1

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam



Chứng từ giao dịch

ỦY NHIỆM CHI Payment order

Số No UNC 00001

Ngày Date 31/12/2019

Ký hiệu invoice sign

Người/Đơn vị trả tiền Applicant Name

Số TK ghi Nợ Debit Account No

Địa chỉ Address

Người/Đơn vị hưởng Beneficiary Name

Số TK ghi Có Credit Account No

Địa chỉ Address

Số CCCD/CMND/HC ID/PP No

Số tiền bằng số Amount in figures

Số tiền bằng chữ Amount in words

Số HD Invoice No

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

112000009627

Số 5 Phạm Minh Đức, Máy Tơ, Ngô Quyền, HP

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

9704155235915784

Số 5 Phạm Minh Đức, Máy Tơ, Ngô Quyền, HP

23.160.000 VND

Hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng

Mẫu số 01GTKT2/027

Tại Ngân hàng With bank

Tại Ngân hàng With bank

Ngày cấp Date of issue

Liên 2. Nội bộ Copy 2, Bank's copy

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Nơi cấp Place of issue

Phí ngân hàng Fee

Nội dung Remarks

Trả tiền lãi vay tháng 12

Phí trong Including

Phí ngoài Excluding

Kế toán trưởng Chief accountant

Chữ ký, họ tên Signature & full name

Chủ tài khoản A/c holder

Chữ ký, họ tên, và dấu (nếu có)

Signature, full name & Stamp (if any)

Giao dịch viên

Teller

Kiểm soát viên

Supervisor

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.18: Sổ Nhật ký chung năm 2019**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sủ Dầu,
 Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2019**

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...
6/11	GBC 2012 HĐ 1052	6/11	Bán hàng cho Công ty Vĩnh Đạt	112 511 3331	91.343.722	83.039.747 8.303.975
...
15/11	PC 348 HĐ 1003	15/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642 133 111	1.570.000 157.000	1.727.000
...
22/11	PT 506 HĐ 1064	22/11	Bán hàng cho Công ty kỹ thuật Bảo An	111 511 3331	3.029.400	2.754.000 275.400
...
30/11	GBC 2056 HĐ 1074	30/11	Bán hàng cho Công ty CPTM Cát Linh	112 511 3331	76.037.794	69.125.431 6.912.543
...
7/12	PT 638 HĐ 1088	7/12	Bán hàng cho Công ty Hùng Nguyên	111 511 3331	6.062.100	5.511.000 551.100
...
20/12	GBC 2138	20/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng Viettinbank tháng 12	112 515	960.000	960.000
...
31/12	GBN 2093	31/12	Trả lãi tiền vay ngân hàng Viettinbank tháng 12	635 112	23.160.000	23.160.000
...
Tổng số phát sinh					1.123.570.578.310	1.123.570.578.310

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.19: Sổ Cái TK 515**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P.Sở Dầu,
Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức Nhật ký chung)****Tên tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính****Năm 2019***Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
...
30/6	GBC 2065	30/6	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB tháng 6	112		754.387
...
20/8	GBC 2078	20/8	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng Viettinbank tháng 8	112		875.340
...
30/11	GBC 2167	30/11	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng ACB tháng 11	112		648.980
...
20/12	GBC 2138	20/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng Viettinbank tháng 12	112		960.000
...
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	911	11.156.331	
			Cộng phát sinh		11.156.331	11.156.331
			<u>Số dư cuối năm</u>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2019***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.20: Sổ Cái TK 635**

*Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sở Dầu,
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng*

*Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức Nhật ký chung)****Tên tài khoản: 635 – Chi phí hoạt động tài chính****Năm 2019***Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
...
30/6	GBN 2132	30/6	Trả lãi tiền gửi ngân hàng ACB tháng 6	112	19.895.210	
...
30/8	GBN 2052	20/8	Trả lãi tiền gửi ngân hàng Viettinbank tháng 8	112	22.750.320	
...
30/11	GBN 2145	30/11	Trả lãi tiền gửi ngân hàng ACB tháng 11	112	20.975.000	
...
31/12	GBN 2093	31/12	Trả lãi tiền gửi ngân hàng Viettinbank tháng 12	112	23.160.000	
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	911		1.182.225.786
			Cộng phát sinh		1.182.225.786	1.182.225.786
			<u>Số dư cuối năm</u>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2019***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)*

2.2.5. Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Trong năm 2019, tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng chỉ phát sinh thu nhập khác, không phát sinh chi phí khác.

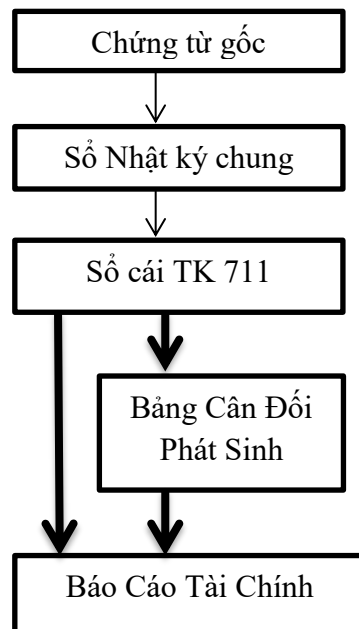
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty

- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Và các chứng từ liên quan khác

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty

- TK 711 – Thu nhập khác

2.2.5.3. Quy trình hạch toán tại Công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán kế toán thu nhập khác tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.2.5.4. Ví dụ thực tế tại Công ty

Ví dụ 7: Ngày 08/12/2019, Công ty bán phế liệu thu 12.000.000 bằng tiền mặt. Căn cứ vào Biên bản thanh lý công cụ, dụng cụ (biểu 2.21) Hóa đơn GTGT số 1092 (biểu 2.22) ,phiếu thu số 640(biểu 2.23),kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung (biểu 2.24). Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái TK 711(biểu 2.25).

Biểu 2.21: Biên bản thanh lý công cụ, dụng cụ, vật liệu số 198

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

BIÊN BẢN THANH LÝ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ, VẬT LIỆU

Ngày 8 tháng 12 năm 2019

Số: 198

Nợ TK 111: 13.200.000

Có TK 711: 12.000.000

Có TK 3331: 1.200.000

Căn cứ vào Quyết định số 198 ngày 8 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng về việc thanh lý công cụ, dụng cụ, vật liệu.

Hôm nay vào hồi 9h30p, ngày 8 tháng 12 năm 2019 tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng đã tiến hành thanh lý công cụ, dụng cụ, vật liệu.

HỘI ĐỒNG THANH LÝ GỒM:

Ông (bà): ...Nguyễn Quang Quế.....

Đại diện: ...Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....

Ông (bà): ...Nguyễn Đức Sơn.....

Đại diện:.. Công ty thu mua phế liệu Quang Vinh.....

Ông (bà):...Lê Đức Thọ.....

Đại diện: .. Kho vật tư Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

TIẾN HÀNH THANH LÝ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ, VẬT LIỆU

STT	Tên công cụ, dụng cụ, vật liệu	Tình trạng	Số lượng	Giá thanh lý	Thành tiền (VNĐ)
1	Thép U200	Mất màu, gãy	300 kg	12.000/kg	3.600.000
2	Thép I194	Mất màu, gãy	350 kg	12.000/kg	4.200.000
3	Thép ray P11	Mất màu, gãy	350 kg	12.000/kg	4.200.000
	Cộng	x	x	x	12.000.000

Ngày 08 tháng 12 năm 2019

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.22: Hóa đơn GTGT số 1092**

HOÁ ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
(Liên 3 : Nội bộ)				Mẫu số : 01GTKT3/001	
Ngày 08 tháng 12 năm 2019				Ký hiệu : AA/19P	
Số : 0001092					
Đơn vị bán hàng : Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng					
Địa chỉ : Số 52 đường Hà Nội- Sở Dầu- Hồng Bàng - Hải Phòng					
Điện thoại : 031.357720					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Đức Sơn					
Tên đơn vị: Công ty thu mua phế liệu Quang Vinh					
Địa chỉ : Số 51 Tư Thủy, Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán : tiền mặt					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép	kg	1.000	12.000	12.000.000
Cộng thành tiền					12.000.000
Thuế suất thuế GTGT :10% Tiền thuế GTGT					1.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán					13.200.000
Bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng (ký, ghi họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi họ tên)		Ngày 08 tháng 12 năm 2019 Giám đốc (đóng dấu, ký ghi họ tên)	

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.23: Phiếu thu

*Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sở Dầu,
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng*

Mẫu số: 01-TT
*(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU THU

Ngày 08 tháng 12 năm 2019

Quyển số: 07

Số: 640

Nợ TK 111: 13.200.000

Có TK 711: 12.000.000

Có TK 3331: 1.200.000

Họ và tên người nộp tiền:.. Nguyễn Đức Sơn.....

Địa chỉ:... Công ty thu mua phế liệu Quang Vinh.....

Lý do nộp: ... Thanh toán tiền hàng hóa đơn GTGT 1092.....

Số tiền:... 13.200.000.....

(Viết bằng chữ): Mười ba triệu hai trăm ngàn đồng.....

Kèm theo:... 01..... Chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 12 năm 2019

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người nộp tiền

Người lập

Thủ quỹ

phiếu

(Ký, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười ba triệu hai trăm ngàn đồng.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.24: Sổ Nhật ký chung năm 2019**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sờ Dầu,
 Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2019**

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...
15/11	PC348 HĐ 1003	15/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642 133 111	1.570.000 157.000	1.727.000
...
22/11	PT506 HĐ 1064	22/11	Bán hàng cho Công ty kỹ thuật Bảo An	111 511 3331	3.029.400	2.754.000 275.400
...
30/11	GBC 2056 HĐ 1074	30/11	Bán hàng cho Công ty CPTM Cát Linh	112 511 3331	76.037.794	69.125.431 6.912.543
...
7/12	PT638 HĐ 1088	7/12	Bán hàng cho Công ty Hùng Nguyên	111 511 3331	6.062.100	5.511.000 551.100
...
8/12	PT640 HĐ 1092	8/12	Thu tiền bán thanh lý thép	111 711 3331	13.200.000	12.000.000 1.200.000
...
13/12	GBC 2078 HĐ 1089	13/12	Công ty Hồng Đức thanh toán tiền hàng theo HĐ 1089	112 131	171.430.043	171.430.043
...
			Tổng số phát sinh		1.123.570.578.310	1.123.570.578.310

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.25: Sổ Cái TK 711**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quý Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sở Dầu,
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức Nhật ký chung)****Tên tài khoản: 711 – Thu nhập khác****Năm 2019***Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
...
13/10	PT 421 HĐ 1032	13/10	Thanh lý TSCĐ	112		65.963.200
...
08/12	PT 640 HĐ 1092	08/12	Thu tiền bán thép	111		13.200.000
...
31/12	PKT122	31/12	Kết chuyển TNK	911	116.346.109	
			Cộng phát sinh		116.346.109	116.346.109
			<u>Số dư cuối năm</u>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2019***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quý Phòng)*

2.2.6. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.2.6.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty

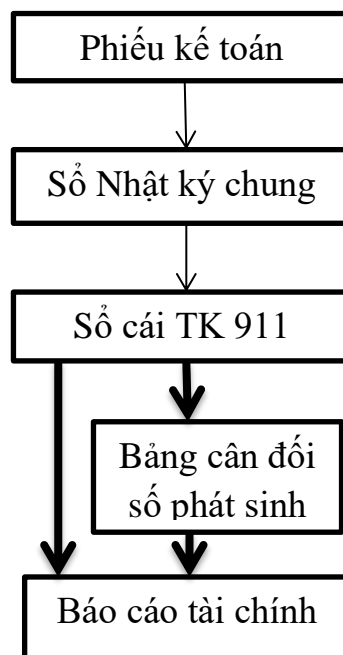
- Phiếu kế toán

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

- Các TK liên quan: TK 821,421,...

2.2.6.3. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.6.4. Ví dụ thực tế tại Công ty: Xác định kết quả kinh doanh năm 2019

Ngày 31/12/2019, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh năm 2019. Trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 127.224.105.538
- Giá vốn hàng bán: 116.682.070.223
- Doanh thu hoạt động tài chính: 11.156.331
- Chi phí tài chính: 1.182.225.786
- Chi phí quản lý kinh doanh: 8.833.960.743
- Thu nhập khác: 116.346.109

Từ các số liệu trên kế toán lập các phiếu kế toán số 122 (biểu 2.26), số 123 (biểu 2.27), số 125 (biểu 2.28), số 126 (biểu 2.29), số 127 (biểu 2.30) Từ phiếu kế toán, kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.31). Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ Cái TK 911 (biểu 2.32), Sổ Cái 421 (biểu 2.33)

Biểu 2.26: Phiếu kế toán số 122

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
QUẾ PHÒNG

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 122

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng năm 2019	511	911	127.224.105.538
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2019	515	911	11.156.331
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	116.346.109
	Cộng			127.235.261.869

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

Biểu 2.27: Phiếu kế toán số 123

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
QUẾ PHÒNG**

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 123

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí GVHB năm 2019	911	632	116.682.070.223
2	Kết chuyển chi phí QLKD năm 2019	911	642	8.833.960.743
3	Kết chuyển chi phí HĐTC năm 2019	911	635	1.182.225.786
	Cộng			126.698.256.752

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quý Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.28: Phiếu kê toán số 125

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
QUẾ PHÒNG

PHIẾU KÊ TOÁN

Số 125

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN năm 2019	821	3334	130.670.245
	Cộng			130.670.245

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quý Phòng)

Biểu 2.29: Phiếu kê toán 126

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
QUẾ PHÒNG

PHIẾU KÊ TOÁN

Số 126

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế TNDN năm 2019	911	821	130.670.245
	Cộng			130.670.245

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quý Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.30: Phiếu kế toán 127

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
QUẾ PHÒNG**

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 127

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lãi năm 2019	911	421	522.680.981
	Cộng			522.680.981

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quý Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.31: Sổ Nhật ký chung năm 2019**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P.Sở Dầu,
Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2019***Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển doanh thu BH, doanh thu HĐTC, thu nhập khác năm 2019	511 515 711 911	127.224.105.538 11.156.331 116.346.109	127.351.607.977
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển GVHB, chi phí HĐTC, chi phí QLKD năm 2019	911 632 635 642		126.698.256.752 116.682.070.223 1.182.225.786 8.833.960.743
31/12	PKT 125	31/12	Xác định CP thuế TNDN phải nộp năm 2019	821 3334	130.670.245	130.670.245
31/12	PKT 126	31/12	K/c thuế TNDN năm 2019	911 821	130.670.245	130.670.245
31/12	PKT 127	31/12	K/c lãi năm 2019	911 421	522.680.981	522.680.981
			Tổng số phát sinh		1.123.570.578.310	1.123.570.578.310

*Ngày 31 tháng 12 năm 2019***Người ghi số***(Ký)***Kế toán trưởng***(Ký)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.32: Sổ Cái TK 911**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quý Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sở Dầu,
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức Nhật ký chung)****Tên tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh****Năm 2019***Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
31/12	PKT 122	31/12	K/c doanh thu BH	511		127.224.105.538
31/12	PKT 122	31/12	K/c DTHĐTC	515		11.156.331
31/12	PKT 122	31/12	K/c TNK	711		116.346.109
31/12	PKT 123	31/12	K/c GVHB	632	116.682.070.223	
31/12	PKT 123	31/12	K/c CP HĐTC	635	1.182.225.786	
31/12	PKT 123	31/12	K/c Chi phí QLDN	642	8.833.960.743	
31/12	PKT 126	31/12	K/c thuế TNDN	821	130.670.245	
31/12	PKT 127	31/12	K/c lãi	421	522.680.981	
			<u>Cộng phát sinh</u>		127.235.261.869	127.235.261.869
			<u>Số dư cuối năm</u>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2019***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quý Phòng)*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu 2.33: Sổ Cái TK 421**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sở Dầu,
Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức Nhật ký chung)****Tên tài khoản: 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối****Năm 2019***Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			<u>3.078.524.978</u>
31/12	PKT127	31/12	K/c lãi	911		522.680.981
...
			Cộng phát sinh		255.624.648	522.680.981
			<u>Số dư cuối năm</u>			<u>3.345.581.311</u>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2019***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)*

Biểu 2.34: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Năm 2019

Người nộp thuế: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG**

Mã số thuế: **0200572614**

Tên đại lý thuế (nếu có):

Mã số thuế:

Hỗ trợ lấy dữ liệu năm trước

Tích chọn để nhập cột Thuyết minh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		127,224,105,538	141,668,082,299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		127,224,105,538	141,668,082,299
4. Giá vốn hàng bán	11		116,682,070,223	128,239,126,243
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10,542,035,315	13,428,956,056
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		11,156,331	8,973,438
7. Chi phí tài chính	22		1,182,225,786	3,245,906,702
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,182,225,786	3,245,906,702
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		8,833,960,743	9,365,618,401
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		537,005,117	826,404,391
10. Thu nhập khác	31		116,346,109	1,000,000,000
11. Chi phí khác	32		0	1,000,000,000
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		116,346,109	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		653,351,226	826,404,391
14. Chi phí thuế TNDN	51		130,670,245	165,280,878
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		522,680,981	661,123,513

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

3.1. Một số đánh giá về công tác kế toán nói chung và kế toán DT, CP, XKQKD tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Qua thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng đã mang đến cho e cái nhìn sơ bộ và một số đánh giá chung về tổ chức hoạt động, tổ chức hạch toán của Công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm

Cùng với quá trình trưởng thành, chuyển đổi của mình, công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng không ngừng được hoàn thiện nhằm đáp ứng tốt nhất, hiệu quả nhất yêu cầu quản lý, hạch toán kinh tế. Điều này thể hiện rõ ở những mặt sau:

**Về bộ máy kế toán:*

Bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ, chặt chẽ, có nhiều ưu điểm phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, đảm bảo cung cấp kịp thời những yêu cầu cơ bản về thông tin kế toán của công ty. Các nhân viên kế toán luôn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phân hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán trưởng đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hóa, của giá cả hàng hóa, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của các hoạt động bán hàng cũng như hoạt động tài chính và hoạt động khác. Với mô hình này, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty sẽ dễ thực hiện và theo dõi hơn. Đồng thời, Ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm được tình hình hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lý và đề ra các chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Các thành viên trong phòng kế toán đều có trình độ và năng lực cao, giàu kinh nghiệm, có trách nhiệm với công việc, nhiệt tình. Các thành viên đều được phân công công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chuyên môn của mỗi người, tạo điều kiện chuyên môn hóa công việc.

** Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng:*

- Hệ thống chứng từ được tổ chức, sắp xếp tương đối tốt, đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ và đầy đủ theo đúng quy định của Bộ Tài Chính

- Luân chuyển chứng từ: Tuân thủ theo đúng chuẩn mực kế toán là kiểm tra tính đúng đắn, trung thực, hợp lệ...các yếu tố ghi chép trên chứng từ kế toán. Sau đó sắp xếp, phân loại chứng từ rồi tiến hành định khoản, ghi sổ kế toán.

- Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng sử dụng hợp lý và tương đối chi tiết các tài khoản kế toán theo chế độ hiện hành.

** Về hệ thống sổ kế toán*

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

** Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

- *Về công tác kế toán doanh thu:* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Giúp xác định kết quả kinh doanh một cách hợp lý, cung cấp thông tin chính xác.

- *Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:* về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu của ban lãnh đạo công ty. Các kế toán rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán hiện hành, qua đó phản ánh xác thực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.1.2. Hạn chế

Mặc dù Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phong đã rất sát sao việc hoàn thiện và nâng cao bộ máy kế toán trong doanh nghiệp, song công tác kế toán tại doanh nghiệp vẫn tồn tại một số điểm như sau:

* *Về hình thức kế toán:* Công ty vẫn áp dụng kế toán thủ công trên excel nên đôi khi vẫn có những sai sót về số liệu. Vì vậy, Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn, đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

* *Về hệ thống các sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí trong Công ty:* Tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phong, việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí tương đối hoàn chỉnh, song Công ty vẫn còn hạn chế trong việc chưa mở Sổ chi tiết các tài khoản. Điều này đã gây trở ngại cho việc theo dõi chi tiết tại Công ty. Cụ thể đó là:

- *Sổ chi tiết bán hàng:* Việc mở sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp cho kế toán theo dõi chi tiết doanh thu của từng loại hàng hóa và tính toán được lãi gộp của từng mặt hàng hóa. Công ty không mở Sổ chi tiết bán hàng vì vậy kế toán chỉ có thông tin về tổng doanh thu chứ không có thông tin về doanh thu của từng mặt hàng.

- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán: Việc mở sổ này sẽ giúp kế toán theo dõi giá vốn từng mặt hàng bán ra vì Công ty có rất nhiều mặt hàng hóa khác nhau. Khi Công ty không mở Sổ chi tiết giá vốn hàng bán, kế toán sẽ khó có thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng để từ đó đưa ra được quyết định cho việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

* *Về việc theo dõi kết quả kinh doanh của từng mặt hàng:* Hiện nay, Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh làm cho việc theo dõi chính xác kết quả của từng loại mặt hàng còn gặp phải một số khó khăn, làm cho công tác quản trị không sát thực, chưa thực sự giúp doanh nghiệp có hướng đi phát triển đúng.

Vì vậy, việc Công ty không mở Sổ chi tiết theo dõi doanh thu và giá vốn khiến cho kế toán không theo dõi được lãi gộp của từng mặt hàng để xác định cơ cấu mặt hàng tối ưu.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán DT, CP và XĐKQKD tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng được sự chỉ bảo của cô chú các phòng ban, đặc biệt là ban Giám đốc tạo điều kiện và Phòng kế toán, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động kinh doanh và thực trạng Công tác tổ chức kế toán tại Công ty. Qua những kiến thức đã học trong nhà trường và liên hệ với quy trình thực tế tại Công ty, em xin đưa ra một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện những tồn tại trong hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.

❖ *Ý kiến thứ nhất: Mở sổ chi tiết theo dõi các khoản doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng.*

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng kinh doanh nhiều mặt hàng, doanh thu thu được hàng năm khá lớn. Tuy nhiên, các sổ sách về doanh thu, chi phí mà kế toán lập ra mới chỉ dừng lại ở các sổ tổng hợp (Nhật ký chung, Sổ cái các TK 511, 632, 642...) chứ chưa được hệ thống qua các sổ chi tiết (Sổ chi tiết bán hàng theo từng mặt hàng, Sổ chi tiết giá vốn theo từng mặt hàng, Sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí QLDN. Điều này gây khó khăn lớn cho việc theo dõi xác định lượng sản phẩm tiêu thụ, doanh thu, chi phí cũng như khó xác định được lợi nhuận của từng mặt hàng mang lại.

Để giải quyết vấn đề này, Công ty nên bổ sung thêm các sổ chi tiết bán hàng theo từng mặt hàng, các sổ chi tiết giá vốn theo từng mặt hàng, sổ chi tiết bán chi phí bán hàng và chi phí QLDN.

Dưới đây là các mẫu sổ cần bổ sung và một số ví dụ minh họa:

- Ví dụ Sổ chi tiết bán hàng Thép I194 tại Công ty (biểu 3.1)
- Ví dụ Sổ chi tiết giá vốn hàng bán Thép I194 tại công ty (biểu 3.2)
- Ví dụ Sổ chi tiết chi phí QLKD tại Công ty (biểu 3.3)

❖ ***Ý kiến thứ hai: Công ty nên lập bảng theo dõi kết quả kinh doanh từng mặt hàng.***

- Phân bổ chi phí QLKD cho từng mặt hàng:

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng dựa vào sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.1), sổ chi tiết giá vốn hàng bán (biểu 3.2) để xác định lãi gộp. Đối với các chi phí bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh, kế toán có thể phân bổ theo doanh thu tiêu thụ để xác định kết quả cho từng mặt hàng giúp công ty xây dựng cơ cấu mặt hàng tối ưu. Công thức phân bổ như sau:

$$\text{Chi phí QLKD phân bổ cho từng mặt hàng} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh}}{\text{Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ}} \times \text{Doanh thu tiêu thụ từng loại mặt hàng}$$

- Ví dụ: Phân bổ chi phí QLKD cho mặt hàng Thép I194 tháng 12 theo doanh thu tiêu thụ như sau:

- Doanh thu tiêu thụ mặt hàng Thép I194 tháng 12: 1.005.622.500 đồng

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 12 là: 10.680.950.780 đồng

- Tổng chi phí QLKD tháng 12 là: 740.163.395 đồng

Theo công thức trên, ta có:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí bán hàng cần phân bổ} &= \frac{740.163.395}{10.680.950.780} \times 1.005.622.500 \\ \text{Cho mặt hàng Thép I194} & \\ &= 69.687.145 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Chi phí quản lý kinh doanh của các HH khác xác định tương tự.

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh của từng mặt hàng:

Dựa trên số liệu DTBH, GVHB, CPQLKD của từng mặt hàng ta lập được Bảng xác định KQKD theo từng mặt hàng như sau: (biểu 3.4). Từ số liệu lãi BH/DT của từng mặt hàng công ty sẽ lựa chọn cơ cấu mặt hàng tối ưu qua đó góp phần tăng LN cho công ty.

Biểu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sờ Dầu, Q. Hồng Bàng

Mẫu số: S16-DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Thép I194

Tháng 12 năm 2019

Quyển số: 12

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng (kg)	Đơn giá (đồng/kg)	Thành tiền (đồng)	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
...
11/12		11/12	Bán hàng cho Công ty Bảo An	111	250	28.500	7.125.000		
...
			Cộng số phát sinh		35.285		1.005.622.500		
			- Doanh thu thuần				1.005.622.500		
			- Giá vốn hàng bán				868.787.270		
			- Lãi gộp				136.835.230		

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

*Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sờ Dầu, Q. Hồng Bàng*

*Mẫu số: S17-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Thép I194

Tháng 12 năm 2019

Quyển số: 12

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền (đồng)	Số lượng (kg)	Đơn giá (đồng/kg)
A	B	C	D	E	1	2	3
...
			Tháng 12				
31/12	PKT 128	31/12	Giá vốn thép I194 T12/2019	156	35.285	24.622	868.787.270
...
			Cộng số phát sinh		35.285	24.622	868.787.270

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 3.3: Sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh

*Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng*

*Mẫu số: S17-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 642

Tháng 12 năm 2019

Quyển số: 12

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 642				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền (đồng)	Chia ra			
						TK 6421	...	TK 6424	TK 6428
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
...
1/12	PC 620	1/12	Tiền điện thoại tháng 12	111					1.285.064
...
20/12	PBL 12	20/12	Trả lương NVBH tháng 12	334	125.680.000	125.680.000			
...
25/12	PBKH 12	25/12	Khấu hao TSCĐ tháng 12	214	252.564.320			252.564.320	
...
			Cộng số phát sinh		740.163.395	125.680.000		252.564.320	80.582.100

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 3.4: Bảng xác định kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng

*Đơn vị: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng*

BẢNG XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH THEO TỪNG MẶT HÀNG
Tháng 12 năm 2019

STT	Tên mặt hàng	Doanh thu	Giá vốn	Chi phí QLKD	Lãi/ lỗ		Ghi chú
					Số tiền	Tỷ lệ/Dthu	
1	Thép I194	1.005.622.500	868.787.270	69.687.145	67.148.085	6.68%	
2	Thép chữ U	770.500.000	659.300.000	53.393.739	57.806.261	7.5%	
3	Lưới tấm 5x1500x2000	59.918.400	54.419.040	4.152.196	1.347.164	2.25%	
...	
	Cộng	10.680.950.780	9.142.349.457	740.163.395	798.437.928	7.47%	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

❖ *Ý kiến thứ ba: Hiện đại hóa công tác kế toán bằng các phần mềm kế toán*

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng nên đưa phần mềm kế toán vào sử dụng để mang lại hiệu quả cao trong công việc và giảm áp lực, khối lượng cho Phòng kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán hữu ích, được nhiều doanh nghiệp lớn nhỏ sử dụng. Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng nên lựa chọn loại phần mềm phù hợp với đặc điểm kinh doanh cho doanh nghiệp. Trên thị trường hiện nay có một số loại phần mềm kế toán thông dụng như: MISA, FAST, BRAVO..... Việc sử dụng phần mềm kế toán sẽ giúp ích rất nhiều cho công việc, tiết kiệm thời gian, chi phí, giúp bộ máy kế toán trở nên đơn giản, gọn nhẹ. .

• Phần mềm kế toán MISA SME.NET

- Là một trong những phần mềm kế toán phổ biến nhất ở Việt Nam với hơn 130.000 doanh nghiệp đang sử dụng, MISA SME.NET hiện đang là sự lựa chọn của nhiều doanh nghiệp hiện nay bởi những tính năng kế toán ưu việt, đầy đủ, chính xác và hệ sinh thái hóa đơn điện tử, ngân hàng điện tử giúp doanh nghiệp tiết kiệm nhiều chi phí, thời gian.

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ tài chính – kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, Sản xuất, Xây lắp và dịch vụ.

- Được phát triển bởi Công ty Cổ phần MISA với hơn 25 năm kinh nghiệm, phần mềm kế toán MISA SME.NET đạt chuẩn ISO 9000, ISO 27000, CSA Star và không ngừng tích hợp những tính năng tối ưu nhất cho người làm kế toán:

+ Phần mềm tự động cập nhật phiên bản mới nhất giúp doanh nghiệp kịp thời cập nhật các quy định, thông tư mới nhất của Bộ Tài Chính. Do đó, kế toán sẽ không bỏ sót bất cứ điều khoản nào cũng như gặp phải những sai sót không đáng có trong quá trình làm việc.

+ MISA SME.NET là phần mềm kế toán đầu tiên có thể quản lý tình hình tài chính – kế toán thông qua mobile. Thông qua MISA SME.NET Mobile, kế toán hay chủ doanh nghiệp có thể truy cập và nắm bắt tức thời mọi hoạt động tài chính kế toán của doanh nghiệp mình.

+ Đặc biệt, MISA SME.NET là phần mềm kế toán tiên phong tích hợp phần mềm hóa đơn điện tử, ngân hàng điện tử và kết nối thẳng với Tổng cục thuế giúp cho công việc quản lý hóa đơn, nghiệp vụ ngân hàng, kê khai thuế thuận tiện, đơn giản và tiết kiệm chi phí.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Bên cạnh đó, độ chính xác cao và công nghệ bảo mật cũng là một trong những điểm mạnh của phần mềm: độ bảo mật gần như tuyệt đối vì phần mềm được chạy trên cơ sở dữ liệu SQL, doanh nghiệp không cần lo lắng vấn đề bảo mật này như khi chạy trên các cơ sở dữ liệu khác.

Dưới đây là hình ảnh về phần mềm kế toán MISA SME.NET (Hình 3.1)



Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET

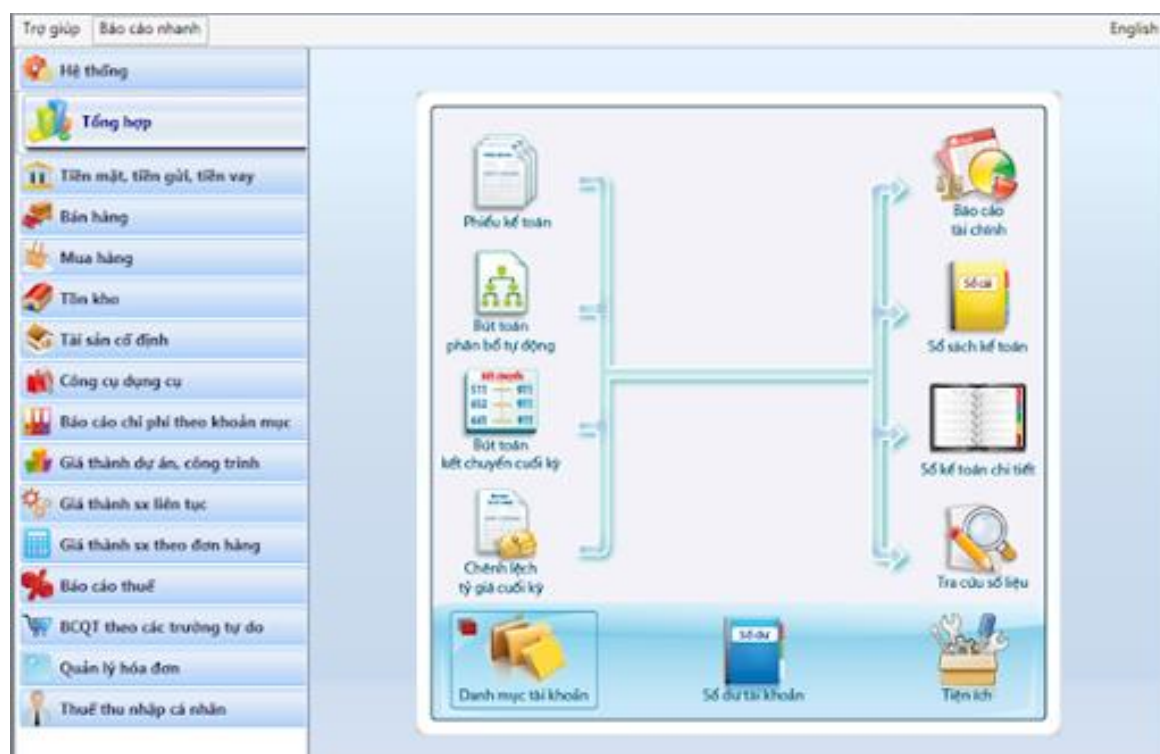
- Phần mềm kế toán máy FAST Accounting

- Được phát triển và hoàn thiện liên tục từ năm 1997, phần mềm kế toán FAST Accounting hiện có hơn 15.600 doanh nghiệp sử dụng.

- FAST Accounting có ưu điểm về giao diện đơn giản, dễ sử dụng cùng tốc độ xử lý nhanh. Thông tin báo cáo trên phần mềm đa dạng và dễ dàng truy xuất.

- Điểm nổi bật nhất của FAST Accounting được đánh giá là phần mềm mạnh về kế toán quản trị và tính giá thành sản xuất và giá thành công trình xây lắp.

Dưới đây là hình ảnh về phần mềm kế toán FAST Accounting (Hình 3.2)



Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán FAST Accounting

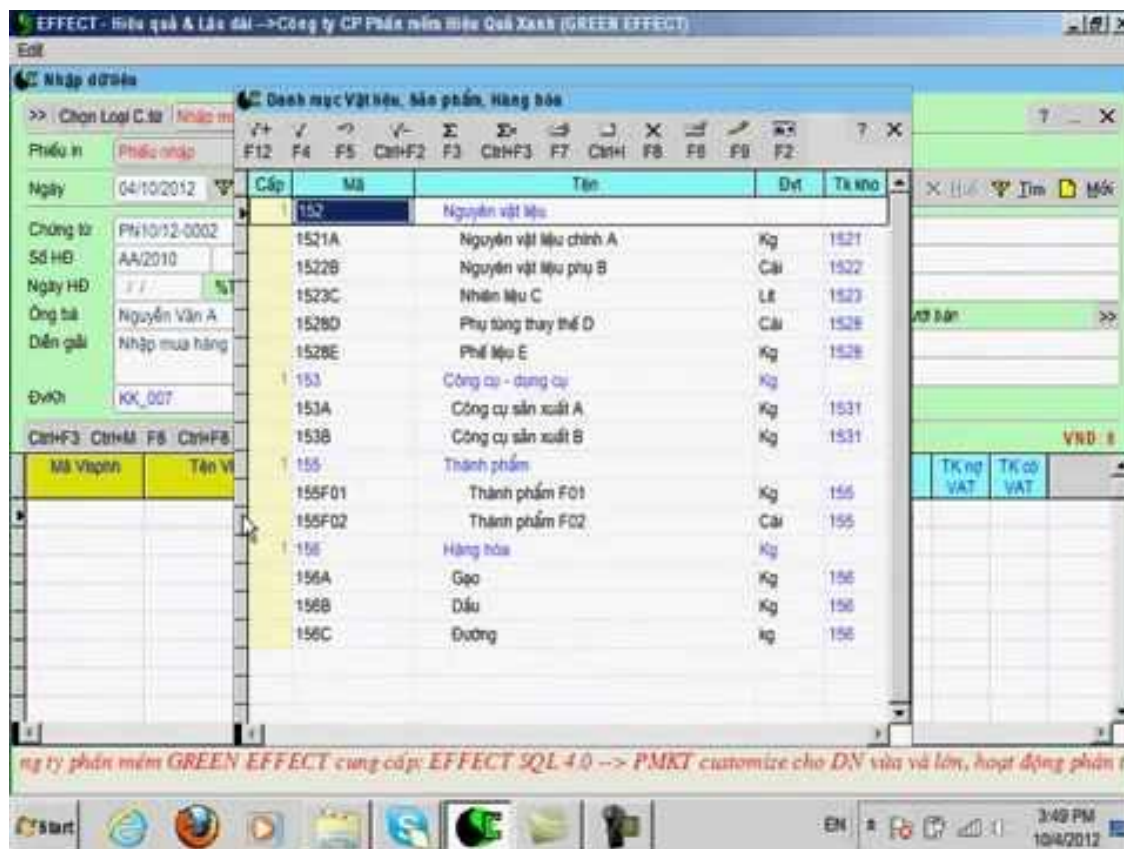
• Phần mềm kế toán EFFECT

- Là một trong những phần mềm kế toán quản trị doanh nghiệp với hơn 15 năm trong lĩnh vực phần mềm, EFFECT là một trong những thương hiệu uy tín và tin cậy đối với người dùng. Được đánh giá cao bởi hơn 3000 doanh nghiệp sử dụng phần mềm.

- Tương tự như 2 phần mềm MISA và FAST, EFFECT cũng có đầy đủ các nghiệp vụ kế toán theo thông tư của Bộ Tài Chính. Phần mềm kế toán EFFECT được ứng dụng trong lĩnh vực kế toán quản trị doanh nghiệp do nhiều mô hình kinh doanh từ nhỏ đến vừa và lớn.

- Là một trong những phần mềm kế toán phân chia rõ các loại hình kinh doanh, EFFECT cho phép khách hàng thiết kế riêng biệt cho từng doanh nghiệp theo yêu cầu của doanh nghiệp. Với một mức phí nhất định, doanh nghiệp có thể sử dụng phần mềm EFFECT dành riêng cho doanh nghiệp mình. Đồng thời, EFFECT có giao diện thuận tiện và khá dễ sử dụng, giúp cho kế toán viên dễ dàng thực hiện các thao tác, nghiệp vụ kế toán.

Dưới đây là hình ảnh phần mềm kế toán EFFECT (Hình 3.3)



Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán EFFECT

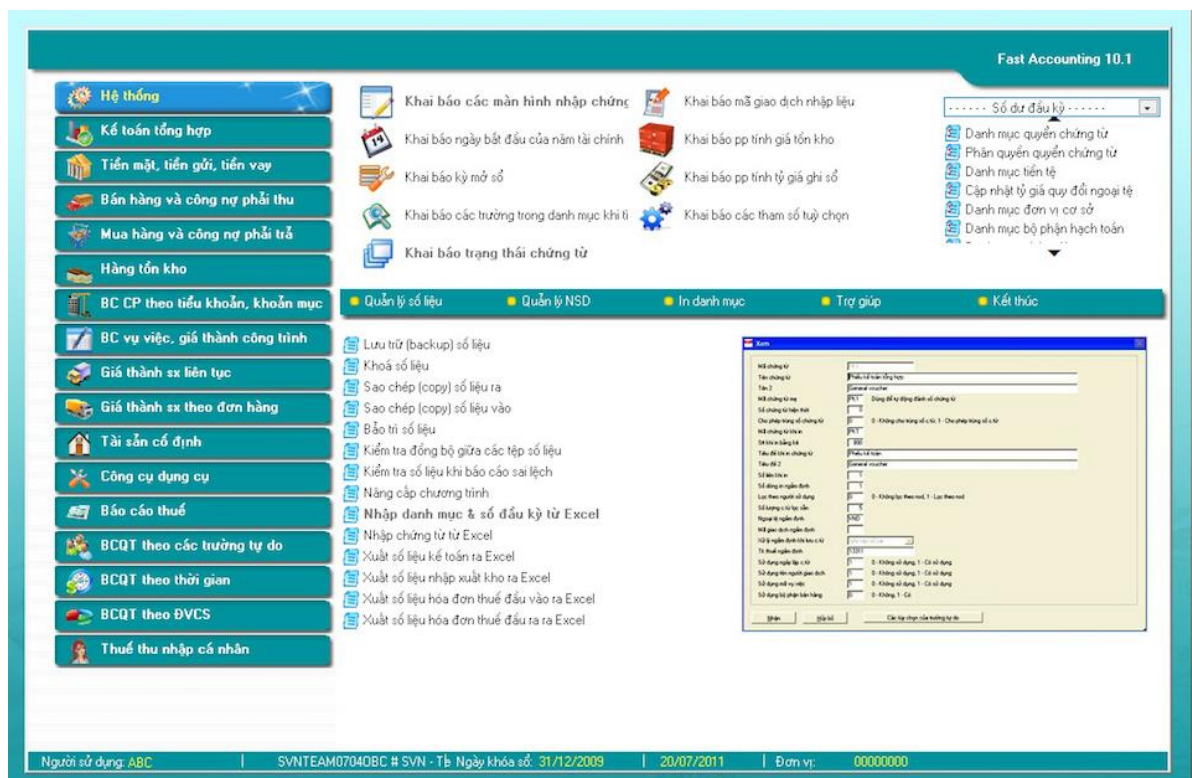
• Phần mềm kế toán BRAVO

- Được phát triển bởi công ty CP phần mềm BRAVO thành lập từ năm 1999 với hơn 3.600 doanh nghiệp đang sử dụng, BRAVO là một trong những phần mềm kế toán được đánh giá cao tại Việt Nam.

- Đặc điểm nổi bật của BRAVO chính là BRAVO 8, phần mềm kế toán được thiết kế dành riêng cho nhu cầu doanh nghiệp và đáp ứng cho doanh nghiệp từ vừa đến lớn. BRAVO sẽ nhận yêu cầu của khách hàng và viết riêng phần mềm theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Với đặc điểm này doanh nghiệp có thể tùy chỉnh phần mềm theo nhu cầu sử dụng của mình.

- Với khả năng ưu việt, BRAVO đáp ứng doanh nghiệp có nhu cầu điều chỉnh hay thiết kế một phần mềm kế toán riêng cho doanh nghiệp của mình. Bên cạnh đó thiết kế giao diện phần mềm cũng đơn giản, dễ sử dụng nên kế toán viên có thể dễ dàng tiếp cận phần mềm.

Dưới đây là hình ảnh phần mềm kế toán BRAVO (Hình 3.4)



Hình 3.4: Giao diện phần mềm kế toán BRAVO

- Qua quá trình tìm hiểu về đặc điểm, cơ cấu, loại hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng, em xin tư vấn Công ty nên chọn sử dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET vì phần mềm này phù hợp nhất với Công ty về tính năng, hiệu quả và giá cả giúp Công ty quản lý một cách đơn giản và nâng cao năng suất công việc.

KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận tốt nghiệp “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng” đã đạt vấn đề cơ bản như sau:

- Về lý luận: đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Về thực tiễn; Khóa luận phản ánh về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng với số liệu năm 2019 minh chứng cho những lập luận đưa ra.

Sau khi đánh giá công tác kế toán, đặc biệt đánh giá công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, khóa luận đưa ra được ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.

- ✓ Ý kiến 1: Mở sổ chi tiết theo dõi các khoản doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng.
- ✓ Ý kiến 2: Công ty nên lập bảng theo dõi kết quả kinh doanh từng mặt hàng.
- ✓ Ý kiến 3: Hiện đại hóa công tác kế toán bằng các phần mềm kế toán.

Do thời gian có hạn và kinh nghiệm thực tế của em còn hạn chế, rất mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng và sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương đã giúp đỡ em hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Thị Hằng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Loan (2011), *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
2. Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính.
3. “Chuẩn mực kế toán số 14 – Doanh thu và thu nhập khác” theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố bốn (04) chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1).
4. Nguyễn Ngọc Quang (2012), *Giáo trình Kế toán Quản trị*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
5. Công ty Cổ phần Thương mại Quê Phòng (2019), *Tài liệu sổ sách, Báo cáo tài chính*.